

PHẬT HỌC PHỔ THÔNG

KHÓA VIII



KINH GIÁC VIÊN
PHIÊN DỊCH VÀ LƯỢC GIẢI

*Giảng tại Phật học đường Nam Việt
mùa Thu năm Đinh dậu – P.L. 2501
(nhằm 12/10/1957)*

*đến Trọng Đông (ngày 12 tháng 11)
năm Mậu tuất – P.L.2503 hoàn mãn
(nhằm 22/12/1958)*

THAY LỜI TỰA

Kinh Viên Giác là một bộ Kinh thuộc Đại thừa đốn giáo, chỉ có những người có đủ căn tính Đại thừa, hay đã nhiều kiếp tu theo Viên Giác, thì mới lãnh thọ được. Nhưng may thay cho chúng ta, chư Bồ-tát trong pháp hội, phát đại bi tâm thỉnh Phật nói pháp phương tiện và tiệm thứ, hầu mong cho tất cả chúng sanh đều có thể y theo Kinh này mà tu hành, tiến tới quả vị Phật.

Chúng tôi một nhóm tín đồ, nhờ phước duyên đời trước, nên nay mới được thường lui tới Phật học đường Nam Việt, chùa Ấn Quang, Chợ Lớn và được nghe quý vị Giảng sư giảng dạy Phật pháp trong sáu bảy năm nay. Đi dần từ dễ đến khó, từ cạn đến sâu, càng theo học, chúng tôi càng thêm phấn khởi tinh thần, vì sung sướng nhận thấy một chân trời đạo lý rộng mở trước mắt. Nay đến Kinh Viên Giác, dưới sự giảng dạy rõ ràng và tận tâm của Hòa thượng Thích Thiện Hoa, Giáo sư Phật học đường Nam Việt và là Ủy viên Hoằng pháp của Tổng Hội Phật Giáo Việt Nam, chúng tôi càng nhận chân được giáo lý thâm huyền của chư Phật và thêm say sưa trên bước đường tu học.

Để đáp lại trong muôn một công ơn Đức Bổn sư Thích Ca đã hiện thân thuyết pháp trong 49 năm, chỉ vẽ những phương pháp ra khỏi sanh tử luân hồi, và để khỏi phụ công phu giảng dạy của Thượng tọa Thích Thiện Hoa, cùng quý vị Giảng sư trong Phật học đường Nam Việt, chúng tôi vội vã tập trung các bài học về Kinh Viên Giác này, in thành bộ, hầu kính tặng quý Đạo hữu xa gần, với lòng mong ước rằng từ nay sự nghiên cứu tu học của quý vị sẽ được dễ dàng và mỗi ngày tăng tiến.

Thưa quý Đạo hữu, Đức Phật có dạy: "Thân người khó được, Phật Pháp khó gặp". Chúng ta từ vô thủy đến nay, sống say chết ngủ trong trường giả danh huyền mộng, luân hồi đã

nhiều đời nhiều kiếp, chúng sanh cũng vẫn lại hoàn chúng sanh, thế chẳng là phụ cái Tâm thường còn không mất, cái Tánh giác bình đẳng chân như “Viên Giác” của chúng ta làm sao? Chúng ta nhờ thiện nhơn đời trước nên mới được cái quả làm người đời nay, thì chúng ta quyết bỏ bỏ cái nhân lành kia thêm phần mỹ mãn, quyết đoạn trừ các phiền não, tự tin mình có tính Viên giác và sống theo tánh ấy, đặt bước một bước dài trên con đường giải thoát.

Kinh Viên Giác này là một ngọn đèn soi sáng hướng dẫn chúng ra trên đường giải thoát, cho nên chúng tôi thành tâm và trân trọng giới thiệu cùng các chư Đạo hữu.

Cầu nguyện Tam bảo gia hộ cho những người đã đọc bộ Kinh Viên Giác này, đều được nhập Viên giác tánh.

Chợ Lớn, ngày 17-11 Mậu tuất (27-12-1958)

Phật tử **MINH CHÁNH**

(**Bác sĩ LÊ VĂN CẨM**)

LỜI CỦA DỊCH GIẢ

Đã gần ngót năm năm trường, mỗi buổi chiều chủ nhật, dưới mái chùa Ấn Quang, mỗi khi lên giảng đường là tôi trông thấy rất nhiều Phật tử, từng cặp cùi đeo đuổi lớp học Phật pháp của Phật học đường Nam Việt. Chủ nhật nào cũng thế, các Phật tử ấy, với một nhịp độ đều đều, với nét mặt chăm chú, ngồi suốt gần ba tiếng đồng hồ, mà chẳng lộ dáng gì mỏi mệt.

Cảnh tượng ấy làm cho tôi cảm động vô cùng! Cảm động nhưt là trong những buổi giảng về Kinh Đại thừa, triết lý khô khan, cao siêu khó hiểu, mà các Phật tử vẫn tỏ vẻ thích thú hoan hoan, chăm chú nghe không xao lãng. Tôi quên mệt, lòng hoan hỷ vô hạn! Buổi giảng trở thành vô cùng hứng thú cho tôi.

Tôi thường mừng thầm: Đời mạt pháp, mà vẫn có nhiều người rất hăm mộ học Kinh điển Đại thừa như thế này, thì còn quý báu nào hơn !

Sau khi nghe giảng xong Kinh Lăng Nghiêm, các Phật tử lại yêu cầu giảng Kinh Viên Giác, tôi hoan hỷ nhận lời. Đời mạt pháp mà có nhiều người rất hăm mộ học đạo thì còn vui thú nào bằng !

Trước khi giảng Kinh Viên Giác, tôi có xem qua các bản dịch Kinh này, thấy có nhiều đoạn tôi chưa được thỏa mãn. E rằng đối với người học có phần khó hiểu chăng? Nên tôi cố gắng dịch lại, hầu mong giúp cho người học dễ lãnh hội hơn. Sau những đoạn dịch, tôi lại còn phụ chú, tóm tắt lại ý nghĩa Kinh, nhấn mạnh những điểm quan trọng trong chánh văn.

Vì muốn xuôi thuận theo văn Việt, tránh những đoạn lặp đi lặp lại của văn Hán, đơn giản hóa những đoạn văn phiên toái, tránh những danh từ mới lạ khó hiểu, nên tôi lược dịch và chọn

dùng những danh từ phổ thông dễ hiểu. Mặc dù các danh từ ấy so với chánh văn không cân xứng lắm, nhưng tôi thiết nghĩ cũng không xa ý chính là bao.

Hiểu thế nào, tôi dịch ra như thế ấy. Tôi vẫn biết rằng: “Thánh ý cao siêu, phạm tâm nan trắc”, nhưng ngòi bút tôi không cho phép tôi viết những gì khác hơn sự hiểu biết của tôi được.

Dịch Kinh này, tôi chỉ có một ước nguyện là:

May ra trúng với Thánh ý đôi phần, người học hiểu biết được phần nào, thì tôi nguyện đem công đức này hồi hướng cho bốn trọng ân và pháp giới chúng sanh đều thành Phật đạo.

Viết tại PHẬT HỌC ĐƯỜNG NAM VIỆT
Mùa Thu năm Đinh Dậu
nhằm 12 tháng 10 năm 1957
THÍCH THIỆN HOA



MỤC LỤC TOÀN BỘ

A.- PHẦN TỰ

- 1.- Chương VĂN THÙ
- 2.- — PHỔ HIỀN
- 3.- — PHỔ NHÃN
- 4.- — KIM CANG TẠNG
- 5.- — DI LẶC

B.- PHẦN

CHÁNH

TÔN

- 6.- — THANH TỊNH HUỆ
- 7.- — OAI ĐỨC TỰ TẠI
- 8.- — BIỆT ÂM BỔ-TÁT
- 9.- — TỊNH CHỮ NGHIỆP CHƯỚNG
- 10.- — PHỔ GIÁC BỔ-TÁT
- 11.- — VIÊN GIÁC BỔ-TÁT

C.- PHẦN

LƯU

THÔNG

- 12.- Chương HIỀN THIỆN THỦ BỔ-TÁT

BÀI THỨ NHẤT

A.- Phần tự

B.- Phần Chánh tôn

CHƯƠNG VĂN

- 1- Ngài Văn Thù hỏi Phật
- 2- Phật khen ngài Văn Thù
- 3- Phật trả lời cho ngài Văn Thù
- 4- Phật chỉ “Vô minh”
- 5- Phật dạy : “Vô minh” không có thật thể
- 6- Phật dạy tu theo “Viên Giác”
- 7- Phật và Bồ-tát đều tu theo Viên Giác
- 8- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

KINH VIÊN GIÁC

(PHIÊN DỊCH VÀ LƯỢC GIẢI)

* Ngài PHẬT ĐÀ ĐA LA dịch chữ Phạn ra chữ Hán

* Tu sĩ THÍCH THIÊN HOA dịch chữ Hán ra chữ Việt

A.- Phần Tự

Chính tôi được nghe như vậy : Một hôm, Phật nhập Chánh định (Chơn tâm) là nơi an trụ của chư Phật, cũng là chỗ thanh tịnh sáng suốt của chúng sanh.

Phật tùy thuận cảnh giới bất nhị (không hai) là chỗ thể tánh bình đẳng của chúng sanh và chư Phật. Thể tánh này thanh tịnh viên mãn khắp giáp cả mười phương, tâm và cảnh đều vắng lặng (ngã pháp đều không).

Từ cảnh giới “bất nhị” này mà hiện ra có các cõi Tịnh độ và mười vạn vị Đại Bồ-tát, như ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát, ngài Phổ Hiền Bồ-tát, ngài Di Lặc Bồ-tát, ngài Phổ Nhân Bồ-tát, ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát, ngài Di Lặc Bồ-tát, ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát, ngài Uy Đức Tự Tại Bồ-tát, ngài Diệu Âm Bồ-tát, ngài Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, ngài Phổ Giác Bồ-tát, ngài Viên Giác Bồ-tát, ngài Hiền Thiện Thủ Bồ-tát v.v... Những vị Bồ-tát này, đều được bậc Thượng thủ trong chúng hội, cùng với quyến thuộc đều nhập chánh định, đồng ở trong Pháp hội thanh tịnh bình đẳng của Như Lai (ở trong Viên Giác).

LƯỢC GIẢI

“Viên Giác” tức là chỉ cho “Bản tâm thanh tịnh”. Vậy muốn nói và nghe cảnh giới thanh tịnh, cố nhiên không thể ở nơi cảnh vọng tâm mà nói và nghe được, nên Phật nhập Chánh định để nói Kinh Viên Giác, thì các Bồ-tát cũng nhập Chánh định, mới nghe và hiểu được Kinh Viên Giác. Các Phật tử đọc Kinh này, trước phải định tâm chuyên chú mới hiểu được.

Đại ý đoạn này là Phật và Bồ-tát nhập Chánh định để nói và nghe Kinh Viên Giác.



B.- Phần Chánh tôn

I.- CHƯƠNG VĂN THÙ

1.- NGÀI VĂN THÙ HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chấp tay đánh lễ và quỳ thẳng bạch rằng :

Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, xin Ngài vì thính chúng trong pháp hội hiện tại này và các chúng sanh cầu Đại thừa đời sau, từ bi chỉ dạy:

1) **Nói lại nhưn địa tu hành thanh tịnh của Như Lai;**

2) **Các vị Bồ-tát đối với Đại thừa, đã phát tâm thanh tịnh (Bồ-đề) rồi, làm sao xa lìa được các bịnh (trừ vọng); khiến cho các chúng sanh khỏi đọa vào đường tà (tà kiến).**

Ngài Văn Thù Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính lạy rồi trở lui, cùng với đại chúng ngồi yên lặng, để chờ nghe lời Phật chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này là ngài Văn Thù hỏi Phật hai điều :

1) Phật đã tu hành như thế nào mà được thành Phật ?

2) Các vị Bồ-tát, khi đã phát tâm Bồ-đề rồi, làm sao cho các vọng dừng sanh ?

Câu hỏi thứ nhất giống như câu hỏi trong Kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan hỏi Phật : "... Xin Phật chỉ dạy cho con

phương pháp nào mà tất cả các Đức Phật tu hành đều được thành đạo chứng quả...”.

Câu hỏi thứ hai, giống như câu hỏi trong Kinh Kim Cang, Ngài Tu Bồ Đề hỏi Phật: “... Làm sao an trụ chơn tâm và làm sao hàng phục được vọng tâm...” (Vấn hà ung trụ, vấn hà hàng phục kỳ tâm).

*

2.- PHẬT KHEN NGÀI VĂN THÙ

Khi ấy Đức Thế Tôn kêu ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát mà dạy rằng :

Này Thiện nam, quý lắm ! Ông vì các vị Bồ-tát hiện tại và tất cả chúng sanh đời sau cầu pháp Đại thừa mà thưa hỏi :

1) Như địa tu hành của Như Lai;

2) Khi đã phát tâm thanh tịnh rồi, làm sao xa lìa các bịnh, để khỏi đọa vào tà kiến. Vậy ông hãy chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ giáo.

Khi đó ngài Văn Thù Sư Lợi Bồ-tát và đại chúng đều hoan hỷ, vừa kính cẩn và vừa chăm chú chờ nghe lời Phật dạy bảo.

LƯỢC GIẢI

Phật trước khen ngợi, rồi sau dặn dò phải chăm chú nghe, là vì “Viên Giác” là cảnh giới thanh tịnh, phải định tâm chú thần mà nghe, không thể dùng tâm sanh diệt, ý nghĩ xằng xiêng mà nghe hiểu được.

3.- PHẬT TRẢ LỜI CHO NGÀI VĂN THÙ

Này Thiện nam, Như Lai có pháp “Đại Đà-la-ni”⁽¹⁾ tên là “Viên Giác”. Từ tánh “Viên Giác” này mà sanh ra tất cả các pháp thanh tịnh : Chơn như, Bồ-đề (Trí giác) Niết-bàn (Viên tịch) và Ba-la-mật (Đáo bỉ ngạn), nay Ta sẽ dạy trao cho các ông.

Này Văn Thù, nhưn địa tu hành của các Đức Phật, đều y “Viên Giác” này mà vĩnh viễn đoạn trừ vô minh, được sáng suốt thanh tịnh viên mãn, nên mới được thành Phật. – Vậy “vô minh” là gì ?

LƯỢC GIẢI

Ngài Văn Thù hỏi nguyên nhưn tu hành của các Đức Phật thế nào? – Đến đây Phật mới trả lời : Tất cả chư Phật đều y “Viên Giác” để chiếu phá vô minh mà được thành Phật. Nào là: Chơn như, Bồ-đề, Niết-bàn và Bát-nhã Ba-la-mật-đa v.v... cũng đều là “Viên Giác” này mà lưu xuất.

Vậy muốn ngộ được “Viên Giác”, trước phải hiểu rõ. Vô minh và diệt trừ vô minh là điều cần nhất.

*

4.- PHẬT CHỈ “VÔ MINH”

Này Thiện nam, tất cả chúng sanh từ hồi nào đến giờ, bị nhiều món điên đảo làm mê mờ tánh “Viên Giác”, như người lạc đường, lầm lộn

⁽¹⁾ Đà-la-ni. – Hán dịch là “Tổng Trì”, nghĩa là : Tóm giữ không mất. Đây là nói tánh “Viên Giác” tóm chứa hằng sa các công đức, giữ gìn không mất.

bốn phương. Diên đảo vọng hiện ra thân và tâm, rồi lầm nhận thân tứ đại giả hiệp này làm thân mình. Chấp cái vọng niệm sanh diệt duyên theo bóng dáng của sáu trần cho là thật tâm mình. Như người nhắm con mắt, thấy trong hư không có các hoa đốm, hoặc mặt trăng thứ hai. Thật ra trong hư không chẳng có hoa đốm hay mặt trăng thứ hai, nhưng vì người nhắm con mắt vọng chấp. Bởi vọng chấp, nên chẳng những không biết được hư không, mà lại thêm mê lầm chấp thật có hoa đốm sanh. Vì mê lầm mà có sanh tử luân hồi, nên gọi là “vô minh”.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật chỉ rõ cái “vô minh”. Vô minh là những cái vọng tưởng diên đảo che mờ tánh “Viên Giác” (bản tâm thanh tịnh).

Bởi vô minh vọng hiện ra có thân có cảnh rồi chúng sanh trở lại chấp thật ngã thật pháp, tạo ra vô số nghiệp, mê mờ chống chấp, che đậy tánh Viên Giác ! Vì thế mà nhiều kiếp sanh tử luân hồi, trầm luân trong biển khổ.

Cũng như người bị buồn ngủ (dự do vô minh) nổi lên, làm cho mê mờ tánh tỉnh táo (dự cho Viên Giác); như đó hiện ra cảnh chiêm bao đủ cả người và vật (hiện thế giới và chúng sanh), rồi cũng khóc cũng cười, cũng mừng cũng giận, mỗi mỗi đều cho là thiệt cả, nên luyến ái triển miên, từ giấc chiêm bao này tiếp tục qua giấc chiêm bao khác, không biết chừng nào thức tỉnh.

Đây là dụ cho vô minh chống chấp che mờ tánh “Viên Giác” (Chơn tâm).



5.- PHẬT DẠY “VÔ MINH” KHÔNG CÓ THẬT THỂ

Này Thiện nam! Cái “Vô minh” này không có thật thể (thật vật). Như người ngủ chiêm bao, thấy các cảnh vật, đến khi thức rồi, thì cảnh vật kia không còn; và như người hết nhệm, thì các hoa đốm trong hư không tự tiêu diệt. Lúc bấy giờ không thể nói “thật có chỗ hoa diệt”, vì không thật có chỗ hoa sanh vậy.

Tất cả chúng sanh ở trong cái “không sanh diệt” (tánh Viên Giác) mà vọng thấy có sanh diệt, cho nên mới bị trầm luân trong biển sanh tử luân hồi.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy: Tất cả chúng sanh vẫn ở trong bản tánh Viên Giác thanh tịnh không sanh diệt, mà tự mình mê mờ (vô minh) vọng thấy có sanh diệt, nên vĩnh kiếp triển miên, luống chịu trôi lăn trong biển sanh tử luân hồi, thật đáng buồn thương !

Nhưng “Vô minh” là hư vọng, không có thật thể, cho nên khi giác ngộ rồi, thì nó tự hết. Cũng như cái “Tối”, vì nó không có thật thể, nên khi “Sáng” đến, thì “Tối” tự mất. Nếu vô minh là vật có thật, như núi, như sông v.v... thì không dễ gì làm tiêu nó được.

Phật lại tỷ dụ : Vô minh như chiêm bao, không phải thật vật, nên khi thức rồi thì cảnh chiêm bao tự mất. – Vô minh như mắt người bị nhệm, thấy đốm hoa lăng xăng giữa hư không, khi hết nhệm rồi, thì hoa đốm liền tiêu.

*

6.- PHẬT DẠY TU THEO “VIÊN GIÁC”

Này Thiện nam, nhưn địa tu hành của Như Lai là tu theo Viên Giác. Nghĩa là : biết các pháp

đều hư huyền, như đốm hoa giữa hư không, thì không còn sanh tử luân hồi và cũng không có người chịu sanh tử luân hồi.

Không phải phá hoại, làm cho các pháp mất đi mà kêu là không, chính bản tính của các pháp nó tự không. Cái “biết (năng biết) các pháp không” đó, cũng như hư không. “Cái biết như hư không”, cũng không luôn. Nhưng không thể nói : “không có cái biết”. Phải dứt trừ hết cả “có” và “không”, như thế mới gọi là “tùy thuận tánh Viên Giác” (tu Viên Giác).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy tu theo “Viên Giác”, có 5 từng bực:

1) Từng bực thứ nhất, là quán các pháp đều hư huyền, như hoa đốm giữa hư không, nên không sanh tâm tham, sân, si. Ba độc không sanh, thì ba nghiệp thân, khẩu, ý chẳng tạo nghiệp. Vì không tạo nghiệp, nên không có cảnh luân hồi và người bị luân hồi.

2) Trên nói “cảnh bị biết” không, nói đến từng thứ hai là “cái tâm hay biết” cũng như hư không.

3) Đến từng thứ ba, là cái biết “cái tâm hay biết cũng như hư không” cũng không luôn.

4) Sợ người lầm chấp cảnh giới này không có cái biết, nên đến từng thứ tư, Phật dạy tiếp : “không phải là không có cái biết”.

5) Đến từng thứ năm, Phật dạy phải rời các vọng chấp “có” và “không”, mới nhập được tánh Viên Giác.



7.- PHẬT VÀ BỒ-TÁT ĐỀU TU THEO “VIÊN GIÁC”

Tại sao thế ? Vì trong Như Lai Tạng (Viên Giác) không có sanh diệt, không có thấy biết, như hư không thường còn, chẳng lay động, như tánh của pháp giới viên mãn khắp giáp cả mười phương.

Đây gọi là chỗ nhơn địa tu hành của Như Lai, các vị Bồ-tát cũng nhơn nơi đây mà phát tâm thanh tịnh tu theo Đại thừa. Chúng sanh đời sau cũng phải y theo đây tu hành, mới khỏi đọa vào tà kiến.

LƯỢC GIẢI

Như Lai Tạng là tánh Như Lai hàm chứa tất cả các pháp; cũng gọi là “Viên Giác”, cũng kêu là “Pháp giới tánh” (bản tánh của các pháp). Nó viên mãn khắp giáp cả mười phương, không có sanh diệt và cũng không tri kiến, như hư không thường còn chẳng lay động.

Phật dạy : Đây là chỗ tu hành của Như Lai. Các vị Bồ-tát cũng nhơn nơi đây phát tâm thanh tịnh tu Đại thừa. Chúng sanh đời sau cũng phải y nơi đây tu hành mới khỏi lạc vào tà đạo.

Ngài Văn Thù hỏi 2 câu :

- 1) Nhơn địa tu hành của Như Lai
- 2) Các vị Bồ-tát phát tâm Bồ-đề tu theo Đại thừa, làm sao phá trừ được các vọng? Đến đây Phật đã dạy xong.

*

8.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Kế đó Đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng :

**Văn Thù ! Ông phải biết :
Chỗ chơn địa tu hành
Của các Đức Như Lai
Là dùng trí Viên Giác
Phá trừ hết vô minh :
Biết các pháp hư huyền
Thì khỏi bị luân hồi.
Cũng như người chiêm bao,
Thức rồi cảnh mộng hết.
Cái biết cũng không còn
Sáng suốt khắp mười phương (Viên Giác),
Bình đẳng không chuyển động
Tức thì thành Phật đạo
Các huyền diệt hết rồi,
Thành đạo cũng không thành :
Xưa nay tính viên mãn.
Bồ-tát y nơi đây,
Phát tâm đại Bồ-đề,
Các chúng sanh đời sau
Tu đây mới khỏi đọa.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này : Các Đức Phật dùng trí Viên Giác phá trừ vô minh. Nghĩa là : biết muôn vật đều hư huyền, như hoa đốm giữa hư không, không sanh tâm nhiễm trước, nên khỏi bị luân hồi.

Người được giác ngộ rồi cũng như thức giấc chiêm bao: các cảnh vật đều không còn – Cảnh “bị biết” đã không, nên “cái biết” (năng biết) cũng không. Vì năng và sở đều không nên tánh Viên Giác mới hiện ra sáng suốt chiếu khắp cả mười phương, bình đẳng không chuyển động, như thế là “thành Phật”.

Nói “thành Phật” là tạm nói mà thôi, thật ra cũng không “thành”. Vì tánh “Viên Giác” của mỗi người đều sẵn có, chỉ trừ hết “vô minh” rồi thì “Viên Giác” tự hiện ra, chớ có gì đâu mà gọi là “thành”.

Cũng như người có sẵn hòn ngọc trong túi, chẳng qua vì quên, nên in như mất. Đến khi nhớ lại thì ngọc vẫn ở sẵn trong túi áo, chớ đâu phải mới “đặng”. Bởi thế nên nói “thành đạo cũng không thành”.

Phật y theo Viên Giác này mà tu, Bồ-tát cũng y theo Viên Giác này mà phát tâm Bồ-đề, cho đến chúng sanh đời sau cũng phải y theo Viên Giác này tu hành mới khỏi lạc vào tà đạo.



BÀI THỨ HAI

II.- CHƯƠNG PHỔ HIỀN

- 1- Ngài Phổ Hiền hỏi Phật
- 2- Phật khen ngài Phổ Hiền
- 3- Phật trả lời cho ngài Phổ Hiền
- 4- Phật dạy pháp tu để nhập "Viên giác"
- 5- Phật dạy pháp tu ly huyễn
- 6- Phật dạy "Giác ngộ" không có tuần tự,
"rời huyễn" chẳng cần phương tiện.
- 7.- Phật nói bài kệ tóm lại nghĩa trên.

II.- CHƯƠNG PHỔ HIỀN

1. NGÀI PHỔ HIỀN HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Phổ Hiền Bồ-tát, ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chấp tay đánh lễ và quỳ thẳng bạch rằng :

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ-tát ở trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau tu Đại thừa, từ bi chỉ dạy phương pháp tu hành để vào cảnh giới Viên Giác thanh tịnh.

Bạch Thế Tôn, nếu chúng sanh biết các pháp đều như huyễn, thân và tâm này cũng huyễn, thì cần gì phải tu ? Tại sao còn dùng cái “huyễn” trở lại tu “pháp huyễn” làm gì ?

Lại nữa, nếu các pháp hư huyễn đều diệt hết, thì thân tâm này cũng diệt; nếu thân tâm đều diệt thì lấy ai tu hành mà gọi là “tu pháp như huyễn” ?

Bạch Thế Tôn, nếu các chúng sanh không tu hành, vẫn ở mãi trong cảnh sanh tử huyễn hóa mà chẳng tự biết, thì làm sao dẹp trừ các tâm vọng tưởng, để giải thoát được sanh tử luân hồi ?

Xin Phật vì chúng sanh đời sau, chỉ dạy phương tiện tu tập và thứ lớp tu hành như thế nào, để cho chúng sanh khi nghe đến cảnh giới

Viên Giác thanh tịnh này, y theo đó tu hành, vĩnh viễn xa lìa được các vọng huyễn.

Ngài Phổ Hiền Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này là ngài Phổ Hiền Bồ-tát hỏi Phật:

1.- Nếu tất cả chúng sanh biết các pháp tu đều như huyễn, thì cần gì phải tu, vì nó là huyễn. Tại sao còn dùng cái huyễn (thân tâm) tu pháp như huyễn làm gì ?

2.- Nếu chúng sanh chấp pháp là huyễn mà không tu, thì vẫn ở mãi trong sanh tử luân hồi, làm sao được giải thoát?

Xin Phật từ bi chỉ dạy phương tiện tu hành và phải tu tuân tự như thế nào, mới nhập được cảnh giới Viên Giác thanh tịnh?

*

2.- PHẬT KHEN NGÀI PHỔ HIỀN

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngài Phổ Hiền Bồ-tát và dạy rằng :

Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, hỏi về phương tiện và thứ lớp tu tập pháp môn “Như huyễn Tam-muội” của Bồ-tát, khiến cho chúng sanh xa lìa các huyễn. Vậy các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông khai thị.

Khi đó, ngài Phổ Hiền Bồ-tát và đại chúng đều hoan hỷ, kính cẩn và chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Văn Thù và Phổ Hiền là hai vị Đại Bồ-tát. Ngài Văn Thù tiêu biểu cho Đại trí. Ngài Phổ Hiền tiêu biểu cho Đại hạnh. Có Đại trí (Căn bản trí) mới phá trừ được căn bản vô minh. Có Đại hạnh mới hoàn thành được công hạnh của Phật. Người tu hành lúc nào cũng phải đủ cả “Trí và Hạnh”. Có “Trí” mới phá được vô minh và thấu rõ chân lý. Có “Hạnh” mới đạt được chân lý, hoàn thành quả Phật.

Đoạn này Phật khen ngài Phổ Hiền Bồ-tát, vì chúng sanh mà hỏi pháp tu “Như huyền tam-muội”.

(1) Chữ “Tam-muội” Hán dịch là “Định” hay “Chánh thọ”. Vì nhiếp tâm chuyên chú một chỗ, không cho xao lãng, nên gọi là “Định”. – Ngài Tôn Mật nói: “Rõ thấu thân và tâm đều như huyền, thâm hiệp với Chơn như, như thế gọi là “Chánh thọ”.

Nghĩa bóng của chữ “Tam-muội”, là chỉ cho công việc làm đã quá thuần thực. Như người niệm Phật, có khi niệm mà có lúc lại quên, còn bị các vọng niệm xen tạp; như thế là chưa được tam-muội. Bao giờ người niệm Phật, chỉ rỗng rạc một niệm Phật thôi (nhứt tâm bất loạn) không có một niệm gì khác xen vào, đi đứng nằm ngồi, bất luận chỗ nào hay lúc nào, từ năm này cho đến tháng nọ, cũng vẫn nhớ niệm Phật, như thế gọi là được “Niệm Phật Tam-muội”.

Chúng ta quán các vật đều hư huyền; nhưng có khi lại thấy là thiệt, như thế chưa được “Như huyền Tam-muội”. Bao giờ đi đứng ngồi nằm, bất luận giờ phút nào hay nơi nào cũng đều thấy các pháp hoàn toàn hư huyền, như thế là chúng ta được pháp “Như huyền Tam-muội”.



3.- PHẬT TRẢ LỜI CHO NGÀI PHỔ HIỀN

– Nay Thiện nam ! Tất cả các cảnh vật huyền hóa (thế giới, chúng sanh) của chúng sanh, đều sanh trong tâm Viên Giác mẫu nhiệm của

Như Lai. Các pháp hư huyền có diệt, mà tánh Viên Giác vẫn không diệt. Cũng như hoa đốm sanh trong hư không, các hoa đốm hư huyền kia có hoại diệt, mà tánh hư không chẳng hề hoại diệt.

LƯỢC GIẢI

Hoa đốm là dụ cảnh vật, hư không là dụ Viên Giác. Đại ý đoạn này là nói các pháp giả dối hư huyền giữa này, đều sanh trong Viên Giác (Chơn tâm). Các pháp hư huyền diệt mà tâm Viên Giác không diệt. Cũng như các hoa đốm sanh trong hư không, các đốm có diệt, mà hư không không diệt.

*

4.- PHẬT DẠY CÁC PHÁP TU ĐỂ NHẬP VIÊN GIÁC

Khi các huyền cảnh diệt rồi, thì cái huyền tâm của hành giả cũng theo đó mà diệt luôn. Đến khi các huyền (năng và sở) đều diệt hết, thì cái tâm Viên Giác không vọng động tự hiện.

Bởi đối với vọng huyền mà nói “Viên Giác” nên Viên Giác cũng trở thành vọng huyền, vì còn ở trong vòng đối đãi vậy. Đến cảnh giới này, nếu nói “Viên Giác” thì chưa rời vọng huyền đã đành, mà nói là “không Viên Giác” thì cũng chẳng rời được vọng huyền.

Thế nên, các vọng huyền (có và không) đều phải bị diệt hết rồi, mới gọi là Viên Giác.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này lý lẽ uyên thâm, có 5 từng:

1. Huyền cảnh diệt

2. Huyền tâm cũng diệt

3. Các huyền (năng, sở) diệt hết, tâm “Viên Giác” hiện bày.

4. Bởi đối vọng huyền mà gọi “Viên Giác”, nên Viên Giác cũng trở thành vọng huyền. Vì còn ở trong vòng đối đãi phân biệt, nên chưa phải là “Viên Giác”.

5. Nếu “chấp có Viên Giác” thì ở trong vòng vọng huyền, mà “chấp không Viên Giác” cũng còn ở trong vòng vọng huyền. Các vọng huyền : có, không, sanh, diệt, phải, chẳng v.v... đều phải diệt hết rồi, thế mới đúng là “Viên Giác”.

Đại ý đoạn này nói: “Tánh Viên Giác” (Chơn Tâm) không thể dùng lời nói mà luận bàn được, cũng không dùng ý suy nghĩ mà suy nghĩ được. Nếu vừa móng tâm động niệm, nghĩ thánh nói phàm, cho thế này là vọng, thế kia là chơn như thế là hãy còn trong vòng đối đãi, hễ còn đối đãi phân biệt, thì đều là vọng huyền cả; phải rời hết các vọng huyền mới đúng là “Viên Giác”.

✽

5.- PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP LY HUYỀN

Này Thiện nam ! Tất cả các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, cần phải xa lìa các việc như sau :

1) Xa lìa các cảnh giới huyền hóa hư vọng. Nhưng còn cái “Tâm biết xa lìa”;

2) Cái “Tâm biết xa lìa” đó cũng là huyền, nên cũng xa lìa luôn;

3) Cái “xa lìa” đó cũng là huyền, nên cũng xa lìa;

4) Cái “lìa cái xa lìa” cũng là huyền, nên cũng phải xa lìa luôn;

5) Phải không còn cái gì để “xa lìa” nữa, như thế mới gọi là trừ được các huyễn.

Tỷ như người kéo dây lấy lửa, dùng hai miếng củi tre cọ sát nhau; cọ cho đến khi lửa phát ra, trở lại cháy hai miếng tre; cháy đến lúc củi hết, lửa tàn tro bay, bấy giờ chỉ còn đất trống.

Dùng “cái huyễn” tu các “pháp huyễn” cũng thế. Khi các huyễn diệt hết rồi, không phải là đoạn diệt, mà lúc bấy giờ tánh Viên Giác tự hiện bày.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Người tu hành trước hết phải lìa các huyễn cảnh, sau lìa huyễn tâm; lìa cho đến không còn cái gì để lìa nữa, thế mới là lìa được hết các huyễn. Lúc bấy giờ cái phi huyễn là “Viên Giác tánh” hiện ra. Như thế thì “Viên Giác tánh” không phải là đoạn diệt.

Như người kéo lửa (dụ cho tu như huyễn) ban đầu dùng hai miếng củi tre cọ nhau (dụ cho tâm và cảnh), khi lửa phát ra trở lại cháy hết củi đến lúc lửa tàn tro bay (tâm cảnh đều hết), bấy giờ chỉ còn đất trống (dụ cho Viên Giác).



6.- PHẬT DẠY : “GIÁC NGỘ” KHÔNG CÓ TUẦN TỰ, “RỜI HUYỄN” CHẴNG CẦN PHƯƠNG TIỆN

– Này Thiện nam ! Khi biết được các pháp hư huyễn, tức là lìa được các huyễn, chớ không cần phải có phương tiện gì khác. Lìa được các huyễn tức là “Giác”, cũng không có lớp lang tuần tự gì.

Tất cả Bồ-tát và chúng sanh đời sau, y như thế mà tu hành, mới xa lìa được các huyễn.

LƯỢC GIẢI

Phật dạy người biết các pháp là hư huyễn thì không còn cố chấp và tham luyến các pháp nữa, tức là lìa được các huyễn rồi, chớ không có phương pháp tu tập nào khác. Câu này giống như câu trong Kinh Lăng Nghiêm : “Giác mê, mê diệt” (Giác ngộ được cái mê, thì cái mê ấy hết). Cũng như người khi biết mình là chiêm bao, thì không còn chiêm bao nữa.

Lìa được các vọng huyễn, tức thì “Viên Giác” hiện bày, thế nên không có lớp lang từng bậc. Dụ như khi ánh sáng đến, thì cái tối liền diệt; tối vừa diệt thì sáng vừa hiện, không có lớp lang tuần tự chi hết.

Đoạn trước ngài Phổ Hiền có hỏi thứ lớp tu pháp môn như huyễn thế nào. Đến đoạn này Phật đã trả lời xong.

*

7. PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn muốn tóm lại nghĩa này, nên nói bài kệ rằng :

**Phổ Hiền ! Ông nên biết :
Các vô minh huyễn hóa
Của tất cả chúng sanh,
Từ vô thi đến giờ,
Đều sanh trong Viên Giác
Của các Đức Như Lai.
Cũng như các hoa đóm
Sanh trong thái hư không,**

**Hoa đốm diệt hết rồi,
Hư không vẫn trong tịnh.
Các huyễn tử “Giác” sanh,
Huyễn diệt, “Giác” viên mãn,
Viên Giác không vọng động.
Các Bồ-tát hiện tại
Và chúng sanh đời sau,
Thường phải xa lìa huyễn.
Xa lìa cho hết huyễn,
Như lửa từ cây sanh
Trở lại cháy hết cây;
Lửa tàn tro bay tận.
“Giác ngộ” không tuần tự.
“Phương tiện” cũng không cần.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này Phật dạy : Các vô minh vọng huyễn của chúng sanh từ vô thủy đến giờ, đều sanh trong tâm Viên Giác của Như Lai. Đến khi các vô minh vọng huyễn diệt rồi, thì tâm “Viên Giác” hiện ra, không có tuần tự và cũng không cần có phương tiện gì khác.

Dụ như hoa đốm sanh trong hư không, khi hoa đốm diệt hết thì hư không tự trong tịnh. Và như lửa từ trong cây sanh, trở lại đốt cháy cây, đến khi củi hết lửa tàn, khói tan tro tận, lúc bấy giờ chỉ còn bầu trời trong suốt.



LƯU Ý :

Trong chương Phổ Hiền này, chúng ta nên lưu ý về câu hỏi của ngài Phổ Hiền và lời đáp của Phật, vì rất quan hệ đến đời tu hành của chúng ta.

Ngài Phổ Hiền hỏi rằng : “Đã là huyễn thì cần gì phải tu ? Tại sao còn dùng thân tâm như huyễn để tu hành như huyễn ? – Đoạn này nếu chúng ta hiểu lầm, thì không sao khỏi sanh ra những vọng chấp : “Thân huyễn, cảnh huyễn, tu học cũng huyễn v.v...” rồi trăm việc lành đều bỏ xuôi, thật là nguy hại vô cùng !

Vậy ta cần phải xét kỹ về đoạn trả lời của Phật. Đại ý Phật dạy rằng : Tuy biết các pháp là “huyễn” nhưng cần phải tu mới đạt đến chỗ “phi huyễn” (chơn). Cũng như vẫn biết “tiếng gõ bồng” của thầy giáo cũng là ồn, nhưng nếu không có “tiếng gõ bồng” của thầy giáo, thì không sao đẹp được hết tiếng ồn ào của học trò. Đến khi hết tiếng ồn ào của học trò thì tiếng gõ bồng cũng không cần nữa.

Tổ sư đã dạy : “Hữu vi tuy nguy, xả chi tắc Phật đạo nan thành”; nghĩa là các việc tu hành đều thuộc về hữu vi pháp, tuy biết là vọng, nhưng nếu bỏ đi không tu thì khó thành Đạo Phật. Cổ nhơn dạy : “Đạp gai lấy gai mà lể” hay là : “Phải dùng giặc để dẹp giặc” cũng là nghĩa ấy.

Vẫn biết “Viên Giác tánh” không phải huyễn, nhưng muốn nhập Viên Giác, thì phải dùng huyễn để trừ huyễn. Khi các huyễn diệt hết, thì tánh “Viên Giác” mới hiện.

Cổ Đức dạy : “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, vạn sự môn trung bất xả nhứt pháp”, nghĩa là : Về chỗ lý tánh chơn thật (Viên Giác) thì không thọ một mảy trần; nhưng về sự tướng tu hành, thì không bỏ một việc nhỏ.

Đây là một qui tắc từ nghìn xưa. Những vị tu hành được thành quả đạo, không một ai vượt ngoài qui tắc này.



BÀI THỨ BA

III.- CHƯƠNG PHỔ NHÃN

- 1- Ngài Phổ Nhãn hỏi Phật
- 2- Phật khen ngài Phổ Nhãn
- 3- Phật dạy phương pháp tu
- 4- Phật dạy quán "Thân" như huyễn
- 5- Phật dạy quán "Tâm" như huyễn
- 6- Huyễn hết thì Chơn hiện
- 7- Dùng ngọc Ma-ni dụ tánh Viên Giác
- 8- Vì có kẻ lìa huyễn và người chưa lìa được, nên phân ra có Thánh và Phàm.
- 9- Viên Giác hiện, thì các pháp đều thanh tịnh
- 10- Vì hiện tượng bình đẳng nên bản thể bình đẳng.
- 11- Bản thể và hiện tượng khắp cả mười phương
- 12- Vì chứng Viên Giác nên thấy các pháp bình đẳng
- 13- Tu và chứng mà thật ra không có tu và chứng.
- 14- Sanh tử và Niết-bàn đều như mộng
- 15- Các pháp bình đẳng
- 16- Tóm lại
- 17- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên

III. CHƯƠNG PHỔ NHÃN

1. NGÀI PHỔ NHÃN HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Phổ Nhãn Bồ-tát, ở trong đại chúng đứng dậy đi quanh bên hữu của Phật ba vòng, rồi chấp tay đánh lễ và quỳ thẳng bạch rằng :

– Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ-tát ở trong hội này và tất cả chúng sanh đời sau, giảng dạy thứ lớp tu hành của Bồ-tát.

Bạch Thế Tôn, như chúng sanh kia, khi nghe Phật nói Pháp “ly huyễn tam-muội” này, tâm sanh mê muội, vì không biết làm sao để hạ thủ công phu. Vậy, nếu không có phương tiện chơn chánh và suy nghĩ chơn chánh, thì không thể ngộ nhập được Viên Giác.

Xin Ngài mở lòng từ bi, vì những người chưa ngộ như chúng con hiện tại và các chúng sanh đời sau, tạm lập ra các phương tiện : Phải tu hành thế nào ? Phải suy nghĩ (tư duy) làm sao? Phải an trụ và giữ gìn (trụ trì) thế nào mới được ngộ nhập Viên Giác ?

Ngài Phổ Nhãn Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lễ Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trước ngài Phổ Hiền Bồ-tát hỏi Phật, ý hỏi rất u thâm. –

Phật xứng theo lý Viên đốn mà trả lời rằng : “Giác ngộ, không có từng tợ; biết huyền là lia đợc huyền, không cần phương tiện”.

Ngài Phổ Nhân Bồ-tát, vì thấy Phật nói Pháp môn “Viên đốn” như thế, nghĩ rằng : duy có những người trình độ cao thượng mới có thể làm đợc; trái lại những kẻ căn cơ thấp kém, nếu không có tạm lập phương tiện và chỉ dạy thứ lớp tu hành thì làm sao ngộ nhập đợc. Vì vậy, nên qua Chương này ngài Phổ Nhân Bồ-tát cầu Phật tạm lập phương tiện và chỉ dạy thứ lớp tu hành, để cho chúng sanh có thể hạ thủ công phu, nhập đợc Viên Giác.

Tóm lại, các câu hỏi của ngài Phổ Nhân hỏi Phật, gồm trong hai phần :

1.- Hỏi về “Tu Huệ”, tức là câu hỏi “Phải suy nghĩ thế nào cho chơn chánh ?”

2.- Hỏi về “Tu Huệ”, tức là câu hỏi “Phải an trụ và giữ gìn thế nào ? Tạm lập phương tiện tu hành và thứ lớp tu làm sao, mới ngộ nhập đợc Viên Giác ?”

*

2.- PHẬT KHEN NGÀI PHỔ NHÂN

Khi đó Đức Thế Tôn khen Ngài Phổ Nhân Bồ-tát và dạy rằng :

– Nay Thiện nam, quý lắm ! Ông vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, cầu thỉnh Như Lai tạm lập phương tiện tu hành và chỉ dạy thứ lớp tu làm sao, phải suy nghĩ làm sao cho chơn chánh (tư huệ), phải an trụ và giữ gìn thế nào (tu huệ). Vậy các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông khai thị.

Khi đó ngài Phổ Nhân Bồ-tát và đại chúng đều hoan hỷ, kính cẩn và chăm chú nghe lời Phật chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật khen ngài Phổ Nhãn vì đại chúng cầu Phật tạm lập phương tiện tu hành để nhập Viên Giác. Trong câu hỏi gồm có hai phần : 1.- Hỏi về Tư huệ, 2.- Hỏi về Tu huệ.



3.- PHẬT DẠY PHƯƠNG PHÁP TU

– Nay Thiện nam, những hàng sơ học Bồ-tát và các chúng sanh đời sau, muốn ngộ nhập tâm Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thì cần phải Chánh niệm⁽¹⁾, và xa lìa các vọng huyễn. Vậy trước hết phải :

1) Y theo Pháp “chỉ” của Như Lai (Đại thừa định).

2) Giữ gìn giới cấm kiên cố.

3) Sắp xếp đồ chúng cho yên ổn (sắp xếp hoàn cảnh xung quanh cho thuận tiện).

4) Ở chỗ thanh vắng.

5) Phải suy nghĩ như sau :

LƯỢC GIẢI

Tổ sư đã dạy : “Thật tế lý địa bất thọ nhứt trần, Phật sự môn trung bất xả nhứt pháp”. Nghĩa là: Về chỗ lý tánh tuyệt đối thì không thọ một mảy may gì; nhưng về sự tướng tu hành thì không bỏ một việc lành nào cả.

(1) Chữ “Chánh niệm” là niệm chơn chánh. Trong Viên Giác lược sở giải : Rời các vọng huyễn, dứt hết các vọng niệm, thế mới là : “Chánh niệm”.

Đành rằng, về cảnh giới Viên Giác, chúng ta nói không trúng, suy nghĩ cũng chẳng nhằm; “giác ngộ” không có tiệm thứ, “rời huyễn” chẳng cần phương tiện; nhưng khi hạ thủ công phu (bắt tay vào việc tu hành) thì không thể bỏ qua các sở tướng tu trì.

Đại ý đoạn này Phật dạy khi hạ thủ công phu, trước phải dùng : 1.- Giới, 2.- Định (chỉ), 3.- Huệ (tức là câu “thường suy nghĩ như vậy” ở đoạn sau), 4.- Sắp xếp các ngoại duyên cho được yên ổn.

Trong chương Phổ Hiền, Phật dạy : “Biết huyễn là lia được huyễn, không cần phương tiện chẳng có tiệm thứ”. Đồng với trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy : “Bất tùy phân biệt” (không theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt).

Đoạn Kinh này, Phật dạy phải dùng : “Giới, Định, Huệ và sắp xếp các ngoại duyên cho được thuận tiện”. Cũng như trong Đại cương Lăng Nghiêm về bài thứ 12, Phật dạy tu “Giới, Định, Huệ” và “ba món tiệm thứ”.



4.- PHẬT DẠY QUÁN THÂN NÀY NHƯ HUYỄN

– Phải thường nhớ nghĩ như vậy : Cái thân của ta nay đây, là do bốn chất : đất, nước, gió, lửa hòa hiệp. Như da, thịt, gân, xương, răng, tóc, móng tay, tủy, não v.v... là thuộc về chất đất; nước mắt, nước mũi, mồ hôi, mỡ, máu, mủ, đờm, dãi, tiểu tiện v.v... là thuộc về nước; nhiệt độ trong người là thuộc về lửa; phổi hô hấp, tim đập, mạch nháy, các chuyển động trong người là thuộc về gió.

Đến khi bốn chất này rã rời, không còn hòa hợp nữa, thì cái thân hư dối này (cái ta) ở chỗ nào?

LƯỢC GIẢI

Người đời, ai cũng chấp cái thân này là ta, rồi thương yêu qui trọng nó, cho nên suốt đời lao tâm nhọc trí, vật lộn với vật chất một cách vất vả, cũng vì lo cho ta ăn, mặc và ở v.v... Lo cho ta rồi lo cho bà con quyến thuộc của ta, lo cả cho đồng bào chủng loại của ta.

Nếu ta được là người mất, đồng bào ta được thì đồng bào người phải bị mất. Vì vậy mà thế giới chiến tranh, nhưn loại tương tàn tương sát. Chúng sanh tạo không biết bao nhiêu điều tội lỗi, rồi vĩnh kiếp luân hồi.

Bởi thế nên đoạn này Phật dạy, khi hạ thủ công phu là quán thân như huyễn (vô ngã). Khi đã thấy xác thật thân này là hư huyễn rồi, thì không còn tham lam luyến ái, vì nó mà tạo ra các tội lỗi, để rồi thọ quả báo sanh tử luân hồi.

Muốn cho độc giả thưởng thức được lý thú ở đoạn này, nên tôi dẫn một đoạn trong bài thơ “Nguyện cầu” của một Thi sĩ sau đây :

*Ta còn để lại gì không?
Kìa non nước chảy, nọ sóng cát bồi !
Lang thang từ độ luân hồi,
U minh nẻo trước, xa khơi dặm về,
Trông ra bến thăm bờ mê,
Nghìn thu nửa chớp, bốn bề một phương.
Ta van cát bụi trên đường,
Dù như dù sạch, đừng vương gót này.*



5.- PHẬT DẠY QUÁN TÂM NHƯ HUYỄN

– Nay Thiện nam ! Ông đã biết thân này rất ráo không thật có, chẳng qua do các duyên hòa hiệp làm ra thân tướng giả tạm, đồng với loại huyễn hóa.

Do bốn duyên là đất, nước, gió, lửa hòa hợp, nên vọng có sáu căn là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý. Như bốn duyên và sáu căn, trong ngoài hợp lại thành cái thân giả tạm, rồi vọng khởi ra các vọng tưởng phân biệt. Các vọng tưởng phân biệt tích tụ trong thân này in như có cái hình tướng “năng duyên”, duyên theo bóng dáng của trần cảnh, nên giả gọi đó là “Tâm”.

– Nay Thiện nam ! Cái tâm hư vọng phân biệt này, nếu không có trần cảnh thì không còn phân biệt được cái gì cả. Lại nữa, khi bốn duyên (tứ đại) rã rời rồi, thì thân giả tạm này cũng không còn. Lúc bấy giờ, cái vọng niệm phân biệt bị tích tụ trong thân thường duyên theo bóng dáng của sáu trần đó, cũng bị phân tán. Rốt cuộc, rồi không còn thấy có cái gì mà gọi là “Tâm” cả.

LƯỢC GIẢI

Về chương Văn Thù, Phổ Hiền, Phật dạy quán “Cảnh như huyễn”, đến chương Phổ Nhân này, trước Phật dạy quán “Thân như huyễn”, rồi sau quán “Tâm như huyễn” là vì lối tu hành phải bắt đầu từ dễ đến khó, từ cạn đến sâu. Trước quán “Cảnh như huyễn” tuy khó, nhưng chưa khó lắm, đến quán “Thân như huyễn” mới là khó hơn. Đi sâu vô một từng nữa là quán “Tâm như huyễn” lại càng khó hơn nữa.

Đại ý đoạn này, Phật dạy quán “Tâm như huyễn” không có thật thể. – Người đời thường chấp cái tâm này (linh hồn) là ta, cái ta này thường còn không biến đổi; nếu ta (linh hồn) là người thì khi chết rồi trở lại làm người; còn ta là Thánh thì khi chết rồi trở lại làm Thánh, không có thay đổi; người có tu cũng vậy, không tu cũng vậy. Bởi chấp như thế, nên họ không sợ tội lỗi, chẳng ham phước

lành, gây tạo nhiều tội ác rồi kiếp trầm luân, chịu không biết bao nhiêu khổ sở !

Vì thương kẻ mê lầm này, nên Phật dạy quán “Tâm như huyễn”. Khi hành giả quán thân và tâm (linh hồn) đều như huyễn, không phải thật ngã (ta) một cách xác thật rồi, thì không còn vì nó mà tạo các tội lỗi. Tội lỗi không tạo, vọng niệm chẳng sanh, huyễn thân và huyễn tâm đều dứt hết, thì tánh Viên Giác, thanh tịnh không hư huyễn hiện ra, lúc bấy giờ hành giả ra khỏi sanh tử luân hồi.

*

6.- HUYỄN HẾT THÌ CHƠN HIỆN, NHƯ BỤI SẠCH THÌ GƯƠNG SÁNG

- **Này Thiện nam! Vì “huyễn thân” của chúng sanh kia diệt, cho nên “huyễn tâm” cũng diệt; do “huyễn tâm” diệt, cho nên “huyễn trần” cũng diệt; do “huyễn trần” diệt, nên cái “huyễn diệt” đó cũng diệt luôn. Bởi thân tâm là tướng trần cấu hư huyễn đã hoàn toàn diệt, nên lúc bấy giờ tánh “Viên Giác phi huyễn” hiện ra, thanh tịnh khắp cả mười phương. Thí như lau gương khi bụi hết thì gương sáng tự hiện bày.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy các huyễn tuần tự diệt. Có năm lớp :

- 1.- Huyễn thân diệt.
- 2.- Huyễn tâm diệt.
- 3.- Huyễn trần (pháp) diệt.
- 4.- Huyễn trí diệt.
- 5.- Phi huyễn (Viên Giác) hiện.

Như lau gương sạch bụi thì ánh sáng hiện ra.

*

7.- DÙNG NGỌC MA-NI DỰ TÁNH VIÊN GIÁC

- Đây Thiện nam ! Dự như ngọc Ma-ni trong sáng, tùy mỗi phương chiếu hiện ra năm màu; nhưng người quê mùa không biết, cho năm màu (dự cho ngũ uẩn) kia là thật có.

Tánh Viên Giác thanh tịnh cũng thế, tùy các loại mà ứng hiện ra mỗi thân tâm (ngũ uẩn) không đồng. Những kẻ mê muội lại chấp cho thân tâm đó là thật có, vì thế nên không thể xa lìa được các tướng huyền hóa hư vọng.

LƯỢC GIẢI

Luận về “bản tánh Viên Giác” thì sáng suốt thanh tịnh không có một mảy trần, tức là nghĩa “Chơn không”; nhưng tùy theo nghiệp mà biến hiện, không một loài vật nào chẳng có, tuy có mà không thật có, tức là nghĩa “Diệu hữu”.

Tánh Viên Giác không hai, nhưng tùy theo vọng nghiệp của mỗi loại mà biến hiện các vật ngàn sai muôn khác. Người khéo dùng thì nó hiện ra Tứ Thánh (Thanh-văn, Duyên-giác, Bồ-tát, Phật). Kẻ vụng dùng thì nó hiện ra lục phàm (Thiên, Nhơn, A-tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh). Cũng như trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dùng dây đàn thí dụ : Trong dây đàn không có tiếng hay tiếng dở; tùy người biết sử dụng thì nó phát ra tiếng hay, còn người không biết sử dụng thì nó phát ra tiếng dở. Cũng một dây đàn đó, hay dở chỉ tại người khéo hay vụng mà thôi.

Đoạn Kinh trên nói : “Ngọc Ma-ni trong suốt là dự cho tánh “Viên Giác thanh tịnh”; nói “Ngọc Ma-ni tùy mỗi phía hiện ra ngũ sắc” là dự cho tánh “Viên Giác tùy mỗi loại hiện thân ngũ uẩn”.

Đại ý đoạn này nó “Trong ngọc Ma-ni trong suốt không có ngũ sắc, nhưng vì tùy mỗi phương, ánh chiếu in như có ngũ sắc. Trẻ con không biết, lầm tưởng ngũ sắc kia là thật có, rồi sanh tâm

tham muốn khóc đòi v.v... chớ đâu biết rằng “ngũ sắc” kia không thật. Cũng như trong tánh Viên Giác thanh tịnh không có ngũ uẩn, nhưng tùy theo nghiệp chúng sanh vọng thấy in như có năm uẩn. Chúng sanh mê muội không biết hư huyền, lại chấp cho là thật có, rồi sanh tham mê luyến ái, tạo ra các nghiệp. Vì thế mà bị triển miên trong sanh tử, không bao giờ ra khỏi các vọng huyền.



8.- VÌ CÓ KẺ LÌA HUYỄN VÀ NGƯỜI CHƯA LÌA ĐƯỢC, NÊN PHÂN CÓ THÁNH VÀ PHÀM

– Nay Thiện nam ! Bởi đối với những kẻ mê muội chấp thân tâm huyền cấu này là thật có, không thể xa lìa được, nên Ta gọi đó là chúng sanh.

Đối với người đã xa lìa được thân tâm cấu huyền thì Ta gọi đó là Bồ-tát. Đến khi các “huyền cấu” hết, “pháp đối trị” trừ, “trí đối trị” cũng không, cho đến không còn danh từ để kêu gọi, và lời nói để luận bàn (người không cảnh vắng, các vọng hoàn toàn diệt, thì tạm gọi là Viên Giác hay Phật).

– Nay Thiện nam ! Các Bồ-tát và chúng sanh đời sau, khi diệt hết các ảnh tượng vọng huyền rồi thì tánh “Viên Giác thanh tịnh” hiện ra, khắp cả vô biên hư không, không có ngăn mé và phương hướng.

LƯỢC GIẢI

Những người mê muội, không biết các pháp đều do tánh Viên Giác huyền hiện, lại chấp cho là có thật, rồi sanh ra ái luyến

triển miên, nên Phật gọi “chúng sanh”. Những người biết được các pháp hư huyền, đều do Viên Giác sanh, đã dùng pháp đối trị và xa lìa, thì Phật gọi đó là “Bồ-tát”. Lên một tầng nữa là khi các “cảnh huyền cấu” hết “pháp trừ huyền” không, “trí đối trị” chẳng còn, “danh từ kêu gọi” và “lời nói luận bàn” cũng không, cho đến người cũng chẳng còn: cảnh vắng người không. Như bệnh hết, thuốc bỏ, ông thấy thuốc cũng không còn. Các vọng huyền hoàn toàn diệt hết, thì cảnh giới Viên Giác thanh tịnh viên mãn hiện khắp ở mười phương, lúc bấy giờ tạm gọi là “Phật”.



9.- VIÊN GIÁC HIỆN THÌ CÁC PHÁP (CĂN, TRẦN, THỨC) ĐỀU THANH TỊNH

– Này Thiện nam! Vì tánh Viên Giác thanh tịnh sáng suốt đã hiện ra nên “tâm” thanh tịnh; do tâm thanh tịnh nên “6 thức” thanh tịnh; do 6 thức thanh tịnh nên “6 căn” thanh tịnh; do 6 căn thanh tịnh nên “6 trần” thanh tịnh; do 6 trần thanh tịnh nên 4 đại, 12 xứ, 18 giới và 25 loài đều thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Vì tánh Viên Giác thanh tịnh đã xuất hiện, nên các pháp thuộc về thế gian là Căn, Trần, Thức cũng đều thanh tịnh. Dụ như trong rừng cây y-lan (loại cây hôi), một phiến gỗ chiên-đàn xuất hiện, thì cả rừng đều thơm ngát.

Sáu thức : Nhãn thức, Nhĩ thức, Tỷ thức, Thiệt thức, Thân thức và Ý thức.

Sáu căn : Nhãn căn, Nhĩ căn, Tỷ căn, Thiệt căn, Thân căn và Ý căn.

Sáu trần : Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc và Pháp.

Bốn đại : Địa, Thủy, Hỏa và Phong.

Mười hai xứ : Sáu căn và sáu trần.

Mười tám giới : Sáu căn, sáu trần và sáu thức.

25 loài : Cõi Dục có 14 loài, và bốn châu (Đông Thắng thần châu, Nam Thiệm bộ châu, Tây Ngưu hóa châu, Bắc Cu lô châu); bốn ác thú (Tu-la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh) và sáu cõi dục (1.- Tứ thiên vương, 2.- Đao-lợi, 3.- Dạ-ma, 4.- Đâu-suất, 5.- Hóa lạc, 6.- Tha hóa tự tại). – Cõi Sắc có 7 loài, và bốn cõi Thiên (từ Sơ thiên đến Tứ thiên) cõi Phạm vương, cõi Vô tướng và Ngũ tịnh cư. – Cõi Vô sắc có bốn : 1.- Không vô biên xứ, 2.- Thức vô biên xứ, 3.- Vô sở hữu xứ, 4.- Phi phi tướng xứ.



– Nay Thiện nam ! Vì các pháp thế gian thanh tịnh, nên các pháp xuất thế gian như : 10 lực, 4 món vô úy, 4 món vô ngại trí, 18 pháp bất cộng, 37 phẩm trợ đạo và 84.000 pháp môn Đà-la-ni, tất cả đều thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Một pháp đã thanh tịnh, nên tất cả các pháp đều thanh tịnh, vì tất cả đều đồng tánh Viên Giác. Thí như một cục phèn bỏ vào thau nước, một chỗ trong thì cả thau đều trong.

Đoạn trên nói các pháp thế gian thanh tịnh. Đoạn này nói các pháp xuất thế gian cũng thanh tịnh.

Mười Lực : 1.- Tri giác xứ phi xứ trí lực. 2.- Tri tam thế nghiệp báo trí lực. 3.- Tri chư thiên giải thoát tam-muội trí lực. 4.- Tri chư căn thắng liệt trí lực. 5.- Tri chủng chủng giải trí lực. 6.- Tri chủng chủng giới trí lực. 7.- Tri nhứt thế chí sở đạo trí lực. 8.- Tri thiên nhân vô ngại trí lực. 9.- Tri túc mạng vô lậu trí lực. 10.- Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

Bốn món vô úy : 1.- Nhứt thể trí vô sở úy. 2.- Lậu tận vô sở úy. 3.- Thuyết chướng đạo vô sở úy. 4.- Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

Bốn món vô ngại trí : 1.- Pháp ngại vô trí. 2.- Nghĩa vô ngại trí. 3.- Từ vô ngại trí. 4.- Lạc thuyết vô ngại trí.

Mười tám pháp bất cộng : 1.- Thân vô thất. 2.- Khẩu vô thất. 3.- Niệm vô thất. 4.- Vô dị tưởng. 5.- Vô bất định tâm. 6.- Vô bất tri dĩ xả. 7.- Dục vô diệt. 8.- Tinh tấn vô diệt. 9.- Niệm vô diệt. 10.- Huệ vô diệt. 11.- Giải thoát vô diệt. 12.- Giải thoát tri kiến vô diệt. 13.- Nhứt thể thân nghiệp từng trí huệ hành. 14.- Nhứt thể khẩu nghiệp từng trí huệ hành. 15.- Nhứt thể ý nghiệp từng trí huệ hành. 16.- Trí huệ tri quá khứ thế vô ngại. 17.- Trí huệ tri vị lai vô ngại. 18.- Trí huệ tri hiện tại thế vô ngại.

Ba mươi bảy Phẩm trợ đạo : (xem Phật Học Phổ Thông, khóa III bài Đạo Đế nói rõ).

Đà-la-ni : Hán dịch là “Tổng trì”. Nghĩa là ở trong mỗi một pháp môn tóm giữ được tất cả pháp. Do trừ 84.000 phiền não mà được 84.000 pháp Đà-la-ni.

*

– Đây Thiện nam ! Vì các pháp thế gian và xuất thế gian đều thanh tịnh, nên cá nhân thanh tịnh; do cá nhân đã thanh tịnh nên nhiều cá nhân thanh tịnh, cho đến mười phương chúng sanh đều đặng Viên Giác thanh tịnh.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Chánh báo chúng sanh thanh tịnh. Vì đã đồng tánh Viên Giác, nên các pháp nói trên đã thanh tịnh, thì thân chúng sanh cũng thanh tịnh. Cũng một ý này, nhưng có kinh lại nói một cách khác : “Còn một chúng sanh nào chưa thành Phật thì Ta cũng chưa thành Phật”, vì đồng một bản thể vậy.

*

- Nay Thiện nam ! Vì một thế giới đã thanh tịnh, nên nhiều thế giới cũng thanh tịnh. Vì nhiều thế giới thanh tịnh nên cùng tận 10 phương hư không (không gian) trùm khắp 3 đời (thời gian), tất cả đều thanh tịnh bình đẳng không động.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói Y báo chúng sanh thanh tịnh. Vì đồng tánh Viên Giác, nên Chánh báo đã thanh tịnh thì Y báo cũng thanh tịnh. Cũng như trong nhà tối lâu đời, khi đốt lên một ngọn đèn, ánh sáng được xuất hiện, một chỗ vừa sáng, thì tất cả chỗ trong nhà đều sáng.

*

10.- VÌ THẤY HIỆN TƯỢNG (CÁC PHÁP) BÌNH ĐẲNG NÊN BIẾT BẢN THỂ (VIÊN GIÁC) BÌNH ĐẲNG.

- Nay Thiện nam ! Hư không đã bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động; vì bốn đại bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động. Như thế, cho đến 84.000 pháp môn Đà-la-ni đều bình đẳng không động, nên biết tánh Viên Giác bình đẳng không động.

LƯỢC GIẢI

Từ bản thể là tánh Viên Giác, sanh ra các pháp hiện tượng là hư không, bốn đại và thiên hình vạn trạng, cho đến 84.000 pháp Đà-la-ni. Hiện tượng đã từ bản thể sanh, mà hiện tượng đã bình đẳng không động, cố nhiên bản thể cũng bình đẳng không động.

*

11.- BẢN THỂ (TÁNH) KHẮP CẢ 10 PHƯƠNG, NÊN HIỆN TƯỢNG KHẮP CẢ 10 PHƯƠNG

– Này Thiện nam ! Vì tánh Viên Giác thanh tịnh không động, viên mãn cùng khắp tất cả, không có bờ bến, nên biết 6 căn, 6 trần, 4 đại, cho đến pháp môn Đà-la-ni cũng thanh tịnh và viên mãn khắp giáp cả Pháp giới.

Này Thiện nam ! Vì tánh Viên Giác kia mầu nhiệm viên mãn không hoại, nên bản thể của căn, bản thể của trần, không có một pháp nào hoại diệt và lộn lạo; cho đến pháp môn Đà-la-ni, cũng không có hoại diệt và lộn lạo. Thí như trăm ngàn ngọn đèn, đồng đốt trong một căn nhà, ánh sáng của mỗi ngọn đèn tuy đều chiếu khắp cả nhà, nhưng không có lộn lạo hay lấn diệt lẫn nhau.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này có hai phần. Phần trên nói : Vì bản thể là tánh Viên Giác châu biến, nên hiện tượng là các pháp cũng châu biến. Đại ý phần này giống đoạn văn trong Kinh Lăng Nghiêm nói về “Sự, Lý vô ngại pháp giới”.

Phần dưới nói : Vì bản thể không hoại diệt nên tất cả các pháp không có một pháp nào hoại diệt. Thí như trăm ngàn ngọn đèn chiếu trong một nhà, không có lộn lạo và hoại diệt nhau. Ý đoạn này giống với đoạn văn trong Kinh Hoa Nghiêm nói về “Sự sự vô ngại pháp giới”. Trong Kinh Pháp Hoa chép : “Thị pháp trụ pháp vị, thế gian tướng thường trụ” (Pháp nào an trụ địa vị pháp ấy. Thế gian tướng là thường trụ tướng). Và Kinh Lăng Nghiêm có chép : “Tứ đại châu biến, không có hoại diệt và tạp loạn lẫn nhau”.

12.- VÌ CHỨNG ĐƯỢC VIÊN GIÁC, NÊN THẤY CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG

– Này Thiện nam ! Vì các Bồ-tát thành tựu được tánh Viên Giác rồi, nên không sợ pháp hữu vi ràng buộc, không cầu pháp vô vi giải thoát, không nhàm chán sanh tử, không ưa thích Niết-bàn, không kính người trì giới, không ghét người phạm giới, không tôn trọng kẻ tu lâu, chẳng khinh người mới học. Tại sao thế ? – Vì tất cả các pháp đều là Viên Giác vậy.

Thí như con mắt xem thấy các cảnh vật hiện tiền, cái “thấy” này trùm khắp tất cả, không thương, ghét. Tại sao thế ? Vì cái “thấy” này chỉ có một thể, nên không có thương, ghét vậy.

LƯỢC GIẢI

Vì tất cả các pháp đã đồng một tánh Viên Giác, nên Bồ-tát bình đẳng : không thương không ghét, không khinh không trọng, không sợ sanh tử, chẳng cầu Niết-bàn. Đoạn này lý rất cao thâm, chúng ta không nên đen phàm tình mà phán đoán.

Ông Thường Bất Khinh Bồ-tát nói : “Tôi không dám khinh các ngài, các ngài sẽ thành Phật, vì các ngài đều có tánh Phật” (Khả năng thành Phật). Và trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương chép... “Cúng dường cho nhiều Đức Phật, công đức không bằng cúng dường cho người vô niệm, vô trụ, vô tu, vô chứng”. Đại ý các đoạn Kinh trên đều nói đến thể tánh bình đẳng này.



13.- CÓ TU VÀ CÓ CHỨNG, MÀ THẬT RA KHÔNG TU VÀ KHÔNG CHỨNG

– Này Thiện nam ! Các Bồ-tát hiện tại và

chúng sanh đời sau, tuy tu tập Tâm này (Viên Giác) mà được thành tựu (quả Phật) rồi, nhưng thực ra thì không tu và cũng không thành, vì tánh Viên Giác vừa tịch diệt vừa phổ chiếu tất cả, đối với Phật hay chúng sanh, không hai không khác.

LƯỢC GIẢI

Phật đã dạy: “Nhứt thể chúng sanh giai hữu Phật tánh”. Nghĩa là: “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật (Viên Giác). Song chúng sanh vì bị mây vô minh che phủ mặt trăng Viên Giác (Phật) của mình, nên in tuồng có mê; bởi in tuồng có mê nên cũng in tuồng có tu và chứng. Đến khi mây vô minh tan hết, thì mặt trăng Viên Giác hiện ra. Mặt trăng này đâu phải bấy giờ mới có, và cũng không phải do dụng công tu hành mới thành, vì nó có từ vô thỉ đến giờ. Bởi thế nên nói: “In tuồng có tu và chứng”. Trong Kinh Tứ Thập Nhị Chương, cũng với ý này, Phật đã dạy: “Niệm đến chỗ không niệm mới là chơn niệm, làm đến chỗ không làm mới là thật làm, nói đến chỗ không nói mới là nói, tu đến chỗ không tu mới là chơn tu, chứng đến chỗ không chứng mới là thật chứng...”

Tuy biết như vậy, nhưng lúc đầu tiên hạ thủ công phu, phải có tu và chứng, rồi mới có thể đạt đến chỗ rốt ráo là vô tu vô chứng. Cũng như ông thầy giáo muốn cho cả lớp học được yên lặng, thì phải dùng tiếng động là gõ thước trên bảng. Khi học trò yên lặng, thì tiếng gõ bảng hết, lúc bấy giờ mới đổi lại cảnh yên tịnh được.

Cũng vì ngộ lý này, nên người xưa có làm bài thơ rằng:

Bách xích can đầu trực hạ thùy,
Nhứt ba tài động vạn ba tùy.
Dạ tịnh thủy hàn ngư bất thực,
Mãn thuyền không tải nguyệt minh qui.

Ý nghĩa bài thơ này, câu thứ nhứt nói : “Nhợ 100 thước trên đầu cần câu, thả thẳng xuống mặt nước”. Câu thứ hai nói : “Một

lượn sóng vừa gợn (động) thì liền có muôn ngàn lượn sóng nhấp nhô nổi theo". Hai câu này ý nói : Khi hạ thủ công phu, lúc đầu tiên thuộc về hữu tướng tu, còn phải dùng công có tu và chứng.

Câu thứ ba nói : "Đến khuya các tiếng động hết, một bầu tịnh tịch thanh vắng, mặt nước đông lạnh, bằng phẳng như tờ, cá cũng không ăn mồi". Ý nói hành giả lúc bấy giờ đã đi sâu vào chỗ "Tâm cảnh như như, ngã pháp đều không" thuộc về vô tướng tu, vô công dụng hạnh.

Câu thứ tư nói : "Chỉ có thuyền trống chở ánh sáng mặt trăng về...". Đại ý câu này nói : "Không tâm tải đạo". (Tâm trống không, chứa đạo). Hành giả lúc bấy giờ, tâm thể sáng suốt hiện khắp cả 10 phương (Viên Giác); in tướng có chứng có đắc, mà thật không chứng và không đắc.



14.- SANH TỬ VÀ NIẾT-BÀN ĐỀU NHƯ MỘNG, VÌ CHÚNG SANH VỐN ĐÃ THÀNH PHẬT

Các thế giới của chư Phật, nhiều như số cát sông Hằng, đều ở trong tánh "Viên Giác" này. Cũng như hoa đóm ở trong hư không, mặc tình lãng xãng khởi lên và lãng xãng diệt mất. Nó không phải "tức" là tánh Viên Giác, mà cũng không phải "ly" tánh Viên Giác; không triển phược và giải thoát. Bởi thế nên biết "Sanh tử và Niết-bàn" cũng đều như giấc mộng hôm qua, vì chúng sanh vốn đã thành Phật từ xưa đến giờ.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Tánh Viên Giác thanh tịnh vắng lặng như hư không nên mặc tình cho các pháp lãng xãng khởi diệt như hoa đóm.

Niết-bàn là đối với sanh tử mà có, trong tánh Viên Giác, sanh tử đã không, cho nên Niết-bàn cũng như mộng.

Đứng về phương diện lý tánh mà luận, thì tất cả chúng sanh đều sẵn có tính Phật (Viên Giác) nên nói : “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”. Song chúng sanh vì bị mây vô minh che mờ, nên mặt trăng Phật (Viên Giác) của mình chẳng hiện. Đến khi được gió Bát-nhã thổi tan mây vô minh rồi, thì trăng Viên Giác (Phật) của mình tự hiện.

Cũng vì ngộ lý này, nên cổ nhơn có làm bài thơ rằng:

Tòng hạ vấn đồng tử...
Ngôn : Sư thê được khứ,
Chỉ tại thử thôn trung,
Vân thâm bất kiến xứ.

Dịch nghĩa : Dưới cây tòng, hỏi Đồng tử... Đồng tử thưa rằng : “Thầy đi hái thuốc, chỉ ở trong núi này thôi, nhưng vì mây đen nên chẳng thấy được”.

Trong bài thơ này, tác giả mượn người khách hỏi Đồng tử để nói về lý đạo.

Đại ý : Chúng sanh đi tìm Đạo. Thật ra Đạo (Phật) không đâu xa, chỉ ở trước mắt. Nhưng vì chúng sanh bị mây vô minh che mờ, nên chẳng thấy được Đạo (Phật).

Trong Kinh có câu : “Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt”. Tâm, Phật và chúng sanh, cả ba không sai khác. Hay là câu : “Phật pháp tại thế gian, bất ly thế gian giác” : Phật pháp tại thế gian, giác ngộ không rời thế gian; cũng là chỉ cho ý này. Bởi chúng sanh và Phật đồng một thể tánh Viên Giác nên Phật với chúng sanh không hai, triền phược và giải thoát không khác, sanh tử với Niết-bàn như mộng.



15.- CÁC PHÁP BÌNH ĐẲNG

– Nay Thiện nam ! Phải biết sanh tử và Niết-bàn đều như giấc mộng hôm qua, cho nên không

có sanh diệt và cũng không có khứ lai. Ở nơi quả vị sở chứng, không có “được” và “mất” hay “thủ” và “xả”. Ở nơi người năng chứng cũng không có “tạo tác” và “đình chỉ” hay “sanh” (nhập) và “diệt”.

Trong tánh Viên Giác, tất cả các pháp đều bình đẳng, không có hoại diệt. Rốt ráo không có người năng chứng và quả sở chứng.

LƯỢC GIẢI

Trong Kinh nói : “Chư pháp từng bốn lai, thường tự tịch diệt tướng”. Nghĩa là : Các pháp từ xưa đến nay, tướng nó thường vắng lặng. Bởi đồng tánh Viên Giác, nên tất cả các pháp bình đẳng, không sanh diệt, không khứ lai, không đắc thất, không thủ xả, không làm, không thôi, không sanh, không diệt, rốt ráo không có người năng chứng và quả sở chứng, vì tất cả đều là tánh Viên Giác vậy.

*

16. TÓM LẠI

Này Thiện nam ! Các vị Bồ-tát kia phải y lời Ta dạy trên mà suy nghĩ như vậy, dùng phương tiện như vậy, y theo lớp lang và tuần tự tu hành như vậy, an trụ như vậy, phải cầu pháp như vậy và khai ngộ như vậy, mới khỏi mê muội.

LƯỢC GIẢI

Nguyên trước ngài Phổ Nhãn hỏi Phật : “Phải suy nghĩ làm sao ? Lập phương tiện thế nào ? Và thứ lớp tu hành ra sao ? v.v...”

Phật đã giải thích rành rẽ rồi, nên đoạn này Phật dạy : “Phải suy nghĩ như vậy, dùng phương tiện như vậy v.v... thì mới khỏi mê muội và ngộ nhập được tánh Viên Giác”.

*

17.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng :

Phổ Nhân ! Ông phải biết :
Thân, tâm của chúng sanh,
Tất cả đều như huyễn :
Thân này thuộc bốn đại,
Thân này trả sáu trần;
Bốn đại tan rã rồi,
Cái gì gọi là “Ta”?
Tuần tự tu như vậy,
Tất cả đều thanh tịnh.
Viên Giác khắp pháp giới,
Không làm, thôi, sanh, diệt,
Không năng chứng, sở chứng:
Tất cả thế giới Phật
Như hoa đốm hư không.
Ba đời đều bình đẳng,
Rốt ráo không qua lại.
Bồ-tát mới phát tâm,
Và chúng sanh đời sau,
Muốn cầu nhập Phật đạo,
Phải như thế tu hành.

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này là tóm lại các nghĩa trên.

Phật dạy quán sát thân này và tâm này đều như huyễn, không có thật “Ngã”. Cứ như thế mà tu hành thì lần lần sẽ được thanh tịnh. Lúc bấy giờ tánh Viên Giác hiện ra khắp cả pháp giới, không còn “làm” hay “thôi”, “sinh” hay “diệt”, và cũng không có “năng chứng” và “sở chứng”. Các thế giới nhiều như số cát sông Hằng, đều ở trong tánh Viên Giác, mặc tình nó sanh diệt như hoa đốm giữa hư không. Ba đời đều bình đẳng, rốt ráo không qua lại. Các Bồ-tát và chúng sanh đời sau, phải như thế tu hành, mới vào được Đạo Phật.



BÀI THỨ TƯ

IV.- CHƯƠNG KIM CANG TẠNG

- 1- Ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát hỏi Phật
- 2- Phật khen ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát
- 3- Phật dạy: “Người mê nói ngộ, ngộ ấy thành mê”
- 4- Phật dùng thí dụ để giải thích nghĩa trên
- 5- Các pháp hư huyền không có thật sanh và diệt
- 6- Thành Phật rồi không trở lại làm chúng sanh
- 7- Tánh Viên Giác phi tất cả tướng
- 8- Tánh Viên Giác không thể nghĩ bàn.
- 9- Không thể dùng tâm chúng sanh phân biệt được cảnh Phật
- 10- Phật nói bài kệ tóm lại các ý nghĩa trên.

IV.- CHƯƠNG KIM CANG TẠNG

1.- NGÀI KIM CANG TẠNG HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng và kính cẩn chấp tay, đánh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ thẳng bạch rằng :

Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì các vị Bồ-tát nói rõ tánh “Viên Giác thanh tịnh” của Như Lai, và chỉ dạy những phương tiện, tuần tự tu hành để nhập tánh Viên Giác. Ngài đã vén mở mây vô minh mờ ám cho các chúng sanh. Thính chúng trong pháp hội này, nhờ lòng từ bi của Phật khai hóa, mà mắt Trí huệ được sáng tỏ.

Bạch Đức Thế Tôn :

1.- Nếu các chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay, thì tại làm sao lại có tất cả vô minh để trở lại làm chúng sanh nữa ?

2.- Nếu chúng sanh sẵn có các vô minh thì do nhơn duyên gì mà Đức Như Lai lại nói : “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”?

3.- Nếu 10 phương chúng sanh đã thành Phật từ xưa, về sau lại sanh ra vô minh; vậy thì các Đức Như Lai hiện nay đã thành Phật rồi, chừng nào các Ngài sanh trở lại phiên nào nữa?

Cúi xin Đức Đại bi Thế Tôn, vì các vị Bồ-tát hiện tại và tất cả chúng sanh đời sau, nhờ sạch gốc rễ nghi lầm, khiến cho chúng sanh được ngộ nhập đạo vô thượng.

Ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lễ Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này, Ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát nghi : Có vô minh thì gọi là chúng sanh, không vô minh mới kêu là Phật; thế mà Đức Như Lai lại nói : “Chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay”.

Nếu chúng sanh đã thành Phật từ xưa đến nay, thì phải không còn vô minh. Nếu không còn vô minh, thì không còn gọi là chúng sanh nữa. Tại làm sao Phật còn gọi “Chúng sanh”?

Lại nữa, nếu chúng sanh đã sẵn có vô minh thì không thể nói “Nguyên lai thành Phật”. Tại sao Phật lại nói: “Chúng sanh nguyên lai đã thành Phật”.

Chúng sanh tu hành phải trải qua ba vô số kiếp mới thành Phật. Nếu khi được thành Phật rồi, vô minh trở lại khởi lên làm chúng sanh nữa, thì tu biết chừng nào cho rồi ! Lại nữa, chư Phật hiện nay đã thành Phật, vậy chừng nào các Ngài nổi vô minh trở lại làm chúng sanh nữa ?

Đoạn này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm, khi ngài Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử hỏi Phật : “Chơn tâm vốn đã thanh tịnh, tại sao lại thoát sanh ra sơn hà đại địa và các chúng sanh?”

✽

2.- PHẬT KHEN NGÀI KIM CANG TẶNG BỒ-TÁT

Khi đó Đức Thế Tôn khen ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát và dạy rằng :

- Nay Thiện nam, quý lắm ! Ông vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai những đạo lý diệu huyền.

Nay Ta vì các ông nói giáo pháp Đại thừa, nghĩa lý rất ráo và cao thượng, khiến cho các vị Bồ-tát tu học trong mười phương, và tất cả chúng sanh đời sau, đều đoạn trừ hết các điều nghi ngờ, đặng tín tâm chắc chắn. Vậy các ông nên chăm chú nghe lời Ta chỉ dạy.

Khi đó ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát và đại chúng đều vui mừng, kính cẩn vâng lời Phật chỉ giáo.

LƯỢC GIẢI

Kim cang là chất ngọc quý, cứng rắn như trong loại ngọc. Nó đã cứng mà lại bén (sắc), hay phá hoại các vật, mà các vật không phá hoại được nó.

Đoạn này ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát đứng lên thưa hỏi những chỗ khó khăn, là tiêu biểu phải dùng Kim cang trí mới phá trừ nổi những mê lầm (vô minh) sâu sắc.

Ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát cũng là một vị Thượng thủ trong hàng Bồ-tát.



3.- PHẬT DẠY : NGƯỜI MÊ NÓI NGỘ, NGỘ ẤY THÀNH MÊ

- Nay Thiện nam ! Tất cả các pháp, có thủy chung, sanh diệt, tiền hậu, hữu vô, nào tụ tán, khởi dừng, xoay vần, qua lại, các món thủ xả, mỗi niệm nối liền. Những loại kể trên đều là luân hồi cả. Người chưa ra khỏi luân hồi mà nghĩ bàn

đến Viên Giác, thì tánh “Viên Giác” đó cũng trở thành luân hồi. (Vị xuất luân hồi nhi biện Viên Giác, bĩ Viên Giác tánh tức đồng lưu chuyển). Nếu người ra khỏi luân hồi (hết mê vọng rồi) thì không còn thấy có các việc hư vọng ấy nữa.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật nói : Người còn ở trong vòng “mê” mà nói việc “ngộ”, thì cái “ngộ” ấy cũng thành “mê”. Dùng tâm chúng sanh nghĩ bàn đến cảnh giới Phật, thì cảnh giới Phật cũng thành chúng sanh. Dùng tâm luân hồi mà nghĩ bàn đến tánh Viên Giác, thì tánh “Viên Giác” cũng trở thành luân hồi.

Phật bảo ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát : Nếu ông đứng trong vòng hư vọng, tương đối có Thánh có phàm, có chúng sanh, có Phật v.v... mà luận đến cảnh giới tuyệt đối, bất tư nghị của chư Phật thì không thể được. Bởi thế nên người muốn hiểu chỗ cao siêu của Đạo Phật, thì cần phải tu, chớ không thể nói suông mà hiểu được.



4.- PHẬT DÙNG THÍ DỤ ĐỂ GIẢI THÍCH NGHĨA TRÊN

– **Này Thiện nam ! Thí như : Vì con mắt nháy mà thấy nước dợn sóng; vì mắt xem không kịp mà thấy thành vòng lửa; như mây bay mà thấy mặt trăng chạy; vì thuyền đi mà thấy bờ trôi. Trong lúc các vật đây động, như mắt nháy, mây bay, thuyền chạy v.v... mà các vật yên tịnh kia như nước đứng, lửa đốt, trăng dừng, còn thấy chuyển động thay, huống chi ông dùng quan sát tánh Viên Giác thanh tịnh của Như**

Lai, thì tánh Viên Giác này làm sao chẳng cấu nhiễm. Thế nên ông mới sanh ra ba điều nghi vấn trên.

LƯỢC GIẢI

Trong đoạn này, Phật dùng những việc tầm thường trong đời làm thí dụ, như mất nháy, mây bay, thuyền đi v.v... mà thấy nước dợn, trăng bay, bờ chạy v.v... để chỉ rõ: vì dùng tâm cấu nhiễm mê vọng của chúng sanh mà quan sát nghĩ ngợi đến cảnh giới của Phật, nên cảnh Phật trở thành tương đối mê vọng.

Vì ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát dùng tâm phân biệt đối đãi có không, sanh diệt, Thánh phàm v.v... nên thấy có chúng sanh chưa thành Phật và có Phật đã thành. Bởi thế nên ngài sanh ra ba điều nghi ngờ trên. Nếu ngài nhập được tánh Viên Giác thanh tịnh rồi thì những tương đối đãi như Thánh phàm, nhiễm tịnh, sanh tử và Niết-bàn, chúng sanh và Phật đều không còn. Lúc bấy giờ ngài không còn nghi ngờ như trên nữa. Vì vậy nên đoạn sau Phật quở: "... những lời ông thưa hỏi đó, chẳng có đúng đắn...".



5.- PHẬT DẠY : CÁC PHÁP HƯ HUYỄN, KHÔNG CÓ THẬT SANH VÀ THẬT DIỆT

– Này Thiện nam ! Thí như người bệnh lòa mắt, trông nơi hư không vọng thấy các hoa đốm lăng xăng. Đến khi bệnh lòa nhậm hết rồi, thì hoa đốm kia tự diệt. Lúc bấy giờ, người ấy không nên hỏi: “Cái bệnh lòa nhậm này đã diệt rồi, vậy chừng nào sanh trở lại nữa?” – Tại sao thế ? – Vì cái lòa nhậm nó vọng huyễn không có thật thể vậy.

Và, cũng không nên hỏi : “Những chỗ hoa đốm diệt ở nơi hư không kia, vậy chừng nào hoa đốm ấy sanh trở lại nữa ?” – Tại sao thế ? – Vì trong hư không vốn không có hoa đốm, cho nên nó không có sanh ra hoa đốm hay diệt hoa đốm vậy.

Sanh tử và Niết-bàn đối với tánh Viên Giác, cũng đồng như hoa đốm sanh diệt trong hư không. Tánh Viên Giác vẫn nhiệm mầu viên mãn, yên lặng chiếu soi, lìa cái nhậm vô minh và cảnh giới hoa đốm.

Này Thiện nam ! Nên biết hư không kia còn không phải tạm có và tạm không, huống chi tánh Viên Giác của Như Lai là bản tánh của hư không, nó bình đẳng tùy thuận các duyên, mà lại tạm có và tạm không hay sao.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này nói : Vô minh và các vọng cảnh, đều hư huyền không thật, cũng như hoa đốm và mắt nhắm. Vì hoa đốm với nhắm, đều không phải thật vật, cho nên nó không thật có sanh và diệt. Bởi thế, khi hết nhắm rồi, không nên hỏi : “Chừng nào nhắm trở lại nữa?”. Hay hoa đốm đã diệt rồi, cũng không nên hỏi : “Chừng nào nó sanh trở lại nữa?”

Hoa đốm và bệnh nhắm, mặc tình nó vọng sanh vọng diệt mà hư không lúc nào cũng vẫn thanh tịnh và yên lặng. Cũng như vô minh và vọng cảnh, mặc tình vọng khởi và vọng diệt, mà tánh Viên Giác vẫn thanh tịnh viên mãn và xa lìa các vô minh cùng vọng cảnh.

Tánh hư không bình đẳng tùy thuận các đồ vật, mà hiện ra có tướng vuông và tròn. Cũng như tánh Viên Giác bình đẳng, tùy thuận các duyên mà hiện ra tất cả pháp.

Hư không, không phải như lúc hoa đốm diệt mà nó tạm có, cũng không phải như lúc hoa đốm sanh mà nó tạm không; bởi tánh hư không thường có và bình đẳng, tùy hoa đốm mặc tình sanh diệt, nhưng hư không vẫn không thay đổi.

Cũng thế, tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thường còn bình đẳng và tùy thuận các pháp. Không phải như lúc vô minh diệt mà nó tạm có, hay vô minh sanh mà nó tạm không, nó tùy thuận tất cả, không có chương ngại.



6.- PHẬT DÙNG THÍ DỤ, ĐỂ CHỈ RÕ KHI THÀNH PHẬT RỒI, KHÔNG TRỞ LẠI LÀM CHÚNG SANH

– **Này Thiện nam ! Thí như chất kim khoáng, sau khi được nấu lọc, bỏ hết quặng rồi, thì chỉ còn vàng y. Chất vàng này không phải do nấu lọc mới sanh, vì nó có sẵn từ trước kia rồi, và khi đã thành vàng y, cũng không bao giờ trở lại thành quặng nữa, phải trải qua bao nhiêu năm, nó cũng không hư hoại.**

Tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai cũng thế.

LƯỢC GIẢI

Phật dùng vàng để thí dụ tánh Viên Giác, dùng khoáng dụ chúng sanh. Khi vàng còn ở trong khoáng, cũng như Phật tánh Viên Giác ở trong cái vỏ chúng sanh. Vì y nơi Phật tánh sẵn có, nên Phật nói : “Chúng sanh đã thành Phật”.

Khi chất kim khoáng được đem ra nấu luyện, lọc bỏ hết quặng chỉ còn vàng y, thì vàng này không còn trở lại làm khoáng nữa.

Cũng như chúng sanh, sau khi trải qua thời gian tu luyện, gạn lọc hết vô minh, phiền não, tánh Viên Giác hiện ra, được thành Phật rồi, lúc bấy giờ không còn khởi vô minh phiền não trở lại làm chúng sanh nữa.

Dầu chưa được nấu luyện, lọc bỏ quặng ra, lúc ấy chất vàng vẫn sẵn có. Đến khi nấu luyện, lọc bỏ hết quặng thành vàng y rồi, không phải lúc bấy giờ vàng mới có. Tánh Viên Giác cũng thế, khi làm chúng sanh, nó vẫn sẵn có, nên nói: “Chúng sanh đã thành Phật”. Trải qua thời gian tu luyện trừ hết vô minh phiền não, tánh Viên Giác hiện ra, không phải lúc bấy giờ nó mới sanh.

Khi tánh Viên Giác đã hoàn toàn hiện rồi, thì vô minh phiền não không còn sanh trở lại nữa, nên nói : “Thành Phật rồi, không còn trở lại làm chúng sanh”.



7.- TÁNH VIÊN GIÁC PHI TẤT CẢ TƯỚNG

– Nay Thiện nam ! Tánh Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai vốn không có Bồ-đề và Niết-bàn, không có thành Phật, và chẳng thành Phật, cũng không có luân hồi và phi luân hồi.

LƯỢC GIẢI

Đứng về phương diện tương đối mà nói: Vì có phiền não nên có Bồ-đề, có sanh tử nên có Niết-bàn, có luân hồi nên mới có giải thoát, có chúng sanh mới có Phật.

Song đứng về phương diện lý tánh tuyệt đối, tức là tâm Viên Giác mầu nhiệm của Như Lai mà nói, thì phiền não đã không, nên Bồ-đề chẳng có, sanh tử đã không, nên Niết-bàn chẳng có, cho đến chúng sanh đã không, nên Phật cũng chẳng có.

Đến cảnh giới này, thì nói năng không trúng, suy nghĩ cũng chẳng nhằm. Hành giả phải tự chứng nhập.

8.- TÁNH VIÊN GIÁC KHÔNG THỂ NGHĨ BÀN

– Nay Thiện nam ! Rất đổi như cảnh giới Niết-bàn thân tâm đoạn diệt của Thỉnh-văn⁽¹⁾ Tiểu thừa kia, còn không thể dùng tâm phân biệt mà thân chứng được, hướng chi cảnh giới Viên Giác thanh tịnh của Như Lai mà lại dùng tâm suy nghĩ so đo của chúng sanh, làm sao nhập được.

Cũng như người dùng lửa đom đóm, để đốt núi Tu-di, làm sao đốt được. Người dùng tâm luân hồi, sanh vọng chấp luân hồi, mà muốn vào biển Niết-bàn tịch tịnh của Như Lai thì không thể được.

Thế nên Ta dạy : Tất cả các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, trước phải đoạn hết căn bản sanh tử luân hồi từ vô thủy.

LƯỢC GIẢI

Cảnh giới Niết-bàn của Thỉnh-văn là cảnh giới Tiểu thừa (Trầm không thú tịch khô thân diệt trí) mà còn không thể nghĩ ngợi được, hướng chi cảnh giới của Phật cao siêu tột bậc, mà lại dùng tâm suy nghĩ và lời nói luận bàn được sao. Nếu người dùng cái vọng tâm sanh tử luân hồi của phàm phu và trí của Tiểu thừa để suy nghĩ phân biệt cảnh giới Viên Giác của Như Lai, thì quyết không thể hiểu được. (Dĩ luân hồi tâm, sanh luân hồi kiến, nhập ư Như Lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí), cũng như người dùng lửa con đom đóm để đốt núi Tu-di thì không thể được.

Bởi thế, nên Phật dạy : “Trước phải đoạn hết căn bản sanh tử luân hồi từ vô thủy”, tức là diệt vọng tâm phân biệt. Cũng như trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật dạy phải rành rõ hai món căn bản là :

1) Phải đoạn căn bản của sanh tử luân hồi và vọng tâm.

2) Phải y trụ nơi căn bản của Bồ-đề Niết-bàn là chơn tâm.

(1) *Thân tâm đoạn diệt của Thinh-văn* – Hàng Thinh-văn Tiểu thừa rất sợ việc hóa đạo độ sanh, vì sợ gặp những nghịch cảnh rồi vô minh phiền não nổi lên, mà phải bị thối chuyển. Bởi thế nên các Ngài cứ lo tu giải thoát một mình. Từ đời này cho đến kiếp nọ, ưa ở chỗ thanh vắng tịch tịch, say đắm cảnh Niết-bàn của Tiểu thừa, giữ tâm yên tịnh luôn không dám khởi niệm, say mê với cảnh thiền, thân không lay động cũng như tro nguội, nên nói: “Thân tâm đoạn diệt”. Chỗ khác gọi rằng: “Trầm không thú tịch khô thân diệt trí”, nghĩa là: Say sưa với cảnh không, thích thú nơi tịch tịch, thân yên lặng như tro nguội, tâm trí diệt, không móng niệm.

Bởi thế nên Phật quả hàng Tiểu thừa là loài giống khô, mộng héo (tiêu nha bại chủng), nghĩa là thứ giống khô rụi, không thể nứt mộng sanh chồi nữa được.

Phật lại dạy rằng: Không ai đem giống gieo trồng trên hư không được, mà phải gieo trồng trên mặt đất. Giống Bồ-đề cũng thế, không thể gieo trồng nơi chỗ trống không được, mà phải gieo trồng nơi đất chúng sanh. Bởi thế nên muốn thành quả Phật Bồ-đề, thì phải hóa độ chúng sanh.



9.- KHÔNG THỂ DỪNG TÂM CHÚNG SANH PHÂN BIỆT ĐƯỢC CẢNH PHẬT

– **Này Thiện nam ! Nếu có suy nghĩ phân biệt là từ vọng tâm (thức) khởi, nên tất cả suy nghĩ, đều là cái vọng tưởng phân biệt duyên theo bóng dáng của sáu trần. Nó hư vọng như hoa đóm trong hư không, chẳng phải là chơn tâm. Nếu ông dùng cái vọng tâm suy nghĩ này, mà suy nghĩ cảnh giới của chư Phật, thì cảnh giới ấy cũng lẫn**

quần trong vòng vọng tưởng của chúng sanh mà thôi. Cũng như người ngồi trông đợi cho hoa đốm giữa hư không kết thành ra quả, thì không có thể được.

Này Thiện nam ! Ông dùng tâm hư vọng thô phù, sanh ra các lối chấp xảo quyết, (chấp càn) cho nên ông không thể nhập được cảnh Viên Giác chơn thật của Như Lai. Bởi thế, nên những lời ông hỏi trên, đều là hư vọng phân biệt, không phải lời hỏi đúng đắn chơn thật.

LƯỢC GIẢI

Đức Thế Tôn, sau khi trải qua thời gian ba vô số kiếp tu hành, được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni rồi, Ngài dạy rằng : “Nói thành Phật, thật ra không thành cái chi khác, mà chỉ trở lại với tánh Phật sẵn có đó thôi”. Trong Kinh nói : “Thành mà vẫn không thành”, hay câu : “Ngộ liễu đồng vị ngộ, vô pháp diệt vô tâm”. (Giác ngộ rồi cũng như khi chưa giác ngộ, vì không có pháp và cũng không có Pháp và cũng không có tâm gì khác).

Tánh Phật này, không riêng gì một mình Ngài có, mà tất cả chúng sanh đều có sẵn có. Vì căn cứ theo Phật tánh sẵn có này, nên Ngài nói : “Tất cả chúng sanh đều có tánh Phật”, hay trong Kinh Hoa Nghiêm nói : “Tất cả chúng sanh đều sẵn có đầy đủ trí huệ đức tướng của Như Lai”. (Nhứt thể chúng sanh cụ hữu Như Lai trí huệ đức tướng). Bởi thế nên Ngài nói : “Chúng sanh đã thành Phật từ lâu”.

Vậy, người muốn hiểu đến lý này, phải nhập cảnh giới Phật, trình độ phải gần như Phật mới hiểu được. Nếu chỉ dùng tâm cấu nhiễm thô phù phân biệt của chúng sanh, mà so tính đến cảnh giới Phật, thì làm sao hiểu được. Cũng như người muốn hiểu câu nói của Cụ già tám mươi, ít nhất trình độ cũng gần như Cụ già mới

hiếu. Nếu dùng trí non nớt của trẻ con năm, mười tuổi, mà suy nghĩ câu nói của Cụ già thì làm sao hiểu được. Bởi thế nên Phật nói : “Những lời ông hỏi trên đều là hư vọng phân biệt, không phải lời hỏi chơn thật”.



10.- PHẬT NÓI BÀI KỆ, ĐỂ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói kệ rằng :

Kim Cang Tạng ! Nên biết :

Như Lai tánh vắng lặng,

Chưa từng có chung thỉ,

Nếu dùng tâm luân hồi,

Suy nghĩ cảnh giới Phật,

Cảnh Phật thành luân hồi.

Người ở bờ luân hồi,

Không thể vào biển Phật.

Phật tánh tuy sẵn có,

Phải tu mới hiển hiện.

Cũng như vàng sẵn có,

Phải lọc quặng mới thành.

Khi đã thành vàng y,

Không trở lại làm quặng.

Sanh tử và Niết-bàn,

Phàm phu cùng chư Phật,

Thấy đều như hoa đóm.

**Tâm suy nghĩ đã huyền,
Nên lời hỏi cũng huyền,
Làm sao nhập được chơn.
Nếu rõ được tâm này,
Mới cầu được Viên Giác.**

LƯỢC GIẢI

Bài kệ này tóm lại các nghĩa trên. Đại ý nói : Tánh Viên Giác của Phật thanh tịnh, vắng lặng, không có Thánh, phàm, chúng sanh và Phật v.v... Nếu dùng tâm phân biệt của chúng sanh mà phân biệt cảnh giới Phật, thì cảnh Phật cũng thành cảnh chúng sanh.

Chúng sanh tuy sẵn có Phật tánh, nhưng phải nhờ có tu mới hiển. Cũng như chất vàng tuy sẵn có trong khoáng nhưng phải nhờ lọc hết quặng mới thành vàng y. Khi đã thành vàng y rồi thì không còn trở lại làm quặng nữa. Cũng như khi đã thành Phật rồi thì không còn trở lại làm chúng sanh.

Bởi đứng trong vòng vọng nhiễm tương đối, nên thấy có sanh tử và Niết-bàn, chúng sanh và Phật; chớ đứng về tánh Viên Giác thanh tịnh của Như Lai, thì các pháp trên đây đều như hoa đốm giữa hư không.

Ngài Kim Cang Tạng Bồ-tát vì muốn đại diện cho phàm phu, nên đã dùng tâm vọng nhiễm của chúng sanh mà suy nghĩ so đo, thấy có chúng sanh và Phật, và giả thốt ra các lời hỏi hư vọng ấy. Những lời hỏi này, đối với cảnh Viên Giác chơn thật của Như Lai, thì chẳng nhằm chi cả. Bởi thế nên Phật quả rằng: "Những lời ông hỏi đều không chơn chánh".

Vậy nên, hành giả phải rời các vọng niệm phân biệt, mới hiểu được tánh Viên Giác.



BÀI THỨ NĂM

V.- CHƯƠNG DI LẶC BỒ TÁT

- 1- Ngài Di Lạc Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Di Lạc Bồ-tát.
- 3- Phật dạy : “Ái và Dục là gốc rễ của sanh tử luân hồi”.
- 4- Phật trả lời câu hỏi “Có mấy loại chúng sanh luân hồi”?
- 5- Bồ-tát hiện thân, không phải do Ái dục, mà do lòng Đại bi và Nguyện lực.
- 6- Phật nói : Có năm chủng tánh.
- 7- Bồ-tát thị hiện các hình tướng và cảnh thuận nghịch để nhập thế độ sanh.
- 8- Chỉ nguyện thành Phật, không ở Nhị thừa và chớ gặp ngoại đạo tà sư.
- 9- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

V.- CHƯƠNG DI LẶC BỒ-TÁT

1.- NGÀI DI LẶC BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi đó Di Lạc Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng và chấp tay kính cẩn, đánh lễ dưới chân Phật, rồi quỳ thẳng bạch rằng :

- Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì các vị Bồ-tát và đại chúng, mở kho báu bí mật của Như Lai (Viên Giác cảnh giới) và làm cho Đại chúng hiện tại cùng chúng sanh đời sau, được con mắt đạo sáng suốt, không lo sợ, phân biệt được việc tà chánh, hiểu sâu lý luân hồi, đối với cảnh Đại Niết-bàn (Niết-bàn Đại thừa) sanh lòng tin chắc chắn, không còn khởi các vọng chấp, trở lại cảnh giới luân hồi nữa.

Bạch Đức Thế Tôn :

1) Các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, làm sao đoạn được tận gốc rễ luân hồi, để vào biển Đại Tịch diệt của Như Lai ?

2) Có mấy loại chúng sanh luân hồi ?

3) Có mấy hạng người tu theo đạo Bồ-đề của Phật ?

4) Khi Bồ-tát nhập thế độ chúng sanh, phải dùng những phương tiện gì để giáo hóa chúng sanh ?

Cúi xin Đức Thế tôn, rủ lòng đại bi cứu thế, chỉ dạy cho các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, khiến cho chúng sanh, gương lòng được sáng tỏ, mắt trí huệ trong xanh, viên ngộ được “Tri kiến vô thượng” của Như Lai.

Ngài Di Lặc Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Vì trong chương Kim Cang Tạng, Phật dạy : “Trước phải đoạn gốc rễ của luân hồi vô thí...”, nên chương này ngài Di Lặc Bồ-tát hỏi : “... Làm sao đoạn được gốc rễ luân hồi ? Và có mấy loại chúng sanh luân hồi ?”.

Đại ý đoạn này ngài Di Lặc Bồ-tát hỏi :

1- Làm sao đoạn được gốc rễ luân hồi để vào biển Đại Niết-bàn của Như Lai ?

2- Có mấy loại chúng sanh luân hồi ?

3- Có mấy hạng người tu đạo Bồ-đề của Phật ?

4- Khi Bồ-tát nhập thế độ sanh, phải dùng những phương tiện gì thế giáo hóa chúng sanh ?

Biển Đại Tịch diệt. – Tức là Niết-bàn của Đại thừa, rộng rãi bao la như biển cả, đã thanh tịnh mà yên lặng, nên gọi rằng “Tịch diệt”. Đủ cả bốn đức là : Chơn thường, Chơn lạc, Chơn ngã, Chơn tịnh. Cũng là một cái tên khác của Viên Giác hay Chơn tâm.

Đức Di Lặc Bồ-tát. – *Tiền thân* : Trong vô số kiếp về trước, có Phật ra đời hiệu là Đại Thông Trí Thắng Như Lai, lúc bấy giờ Ngài (Đức Di Lặc) và Đức Phật Thích Ca (tiền thân) đồng phát tâm Bồ-đề. Đến khi Đức Phật Nhựt Nguyệt Đăng Minh ra đời, thì Ngài mới phát tâm xuất gia nhưng tánh hay giải đãi, quen theo lối phong lưu đài các, phóng túng, chẳng chịu thúc liễm tu hành, nên thành Phật trễ sau Đức Thích Ca, vào tiểu kiếp thứ mười.

Về sau nhờ Đức Phật Thích Ca dạy cho pháp tu Duy thức, Ngài quán thấy “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”.

Vì nhận thấy giàu sang phú quý, danh vọng quyền tước... đều như bóng trong gương, như trăng dưới nước, do thức tâm biến hiện, nên Ngài tảo trừ hết vọng tưởng say mê và hư vọng giả cảnh, trừ tánh “biến kế sở chấp” trên “y tha”, ngộ được tánh “Viên thành thật” nên được Phật Thích Ca thọ ký cho ngài sau sẽ thành Phật ở thế giới Ta-bà này.

Thân hiện tại của Đức Di Lạc : Cách đây 2.500 năm (544, trước T.L), khi Phật Thích Ca giáng sinh tại Ấn Độ, thì Ngài hiện thân vào nhà của Bà-la-môn tên là Ba Bà Lợi ở về Nam Thiên Trúc, nhằm ngày mừng một tháng giêng âm lịch. Họ của Ngài là A Dật Đa (không ai hơn), tên Di Lạc (Tử Thi). Tên họ này tiêu biểu lòng từ bi, hỷ xả vô biên của Ngài. Từ bao nhiêu kiếp cho đến ngày thành Phật, Ngài cũng vẫn lấy hiệu là Di Lạc.

Kinh Di Lạc Thượng Sanh có nói : Ngày rằm tháng 2 (tháng 4 ta) sau khi nói Kinh này 12 năm, thì Ngài nhập diệt tại chỗ bản sanh, rồi Ngài sanh lên nội viện cõi trời Đâu-suất để chờ khi thế giới này giảm rồi tăng trở lại, trong khoảng kiếp tăng, loài người hưởng thọ tám vạn tuổi, lúc bấy giờ Ngài mới giáng sanh xuống cõi này, rồi sau đến ngồi gốc cây Long Hoa tu thành ngôi Chánh giác. Ngài thành Phật rồi hóa độ chúng sanh vô lượng đến sáu vạn năm mới nhập diệt.

Hóa thân của Đức Di Lạc : Kinh chép “Bồ-tát dĩ lợi sanh vì bản hoài” : Bồ-tát lấy việc cứu độ làm lợi ích cho chúng sanh làm bản phận của mình. Ngài hiện ra nhiều thân để lẫn lộn với từng người đặng hóa độ chúng sanh. Trong các hóa thân của Ngài, các phật tử ở Trung Hoa cùng ở Việt Nam hiểu nhiều và thờ nhiều hơn hết là thân ngài Bồ Đại Hòa thượng. Ngài hiện thân làm một vị Hòa thượng tại đất Minh Châu huyện Phụng Hóa bên Trung Hoa. Ngài thường quảy cái dây bằng vải đi khắp chợ búa xóm làng, ai cho vật chi ngài tụ họp các trẻ con lại rồi phân phát cho chúng bánh kẹo, giảng dạy Phật pháp, trò chuyện rất vui thú, nên ngài đi đến đâu thì các em tụ họp đông đảo đến đó.

Ngài thường giảng kinh cho người nghèo, làm nhiều điều mẫu nhiệm lạ thường. Lúc bấy giờ thiên hạ không ai hiểu đặng ngài là người như thế nào cả, chỉ cùng nhau kêu là vị Bồ Đại Hòa thượng (ông Hòa thượng mang dây bằng vải). Đến đời Lương niên hiệu Trịnh Minh năm thứ ba, tháng ba, ngài nhóm chúng lại tại chùa Nhạc Lâm, rồi ngài ngồi ngay thẳng nói bài kệ:

Di Lặc chơn Di Lặc
Hóa thân thiên bách ức
Thời thời thị thời như
Thời nhưn giai bất thức.

(Di Lặc thật là Di Lặc, biến hóa trăm ngàn ức thân, thường hiện trong đời, mà người đời chẳng ai biết). Nói xong kệ rồi, ngài an nhiên nhập diệt. Kẻ tăng người tục đều cùng nhau đến lễ bái cúng dường và dựng tượng ngài thờ tại điện ở phía đông chùa Nhạc Lâm bên Trung Hoa.

Vì căn cứ theo ứng thân này, nên trong các chùa ở Trung Hoa hay Việt Nam thường thờ tượng ngài Bồ Đại Hòa thượng với vẻ mặt hiền từ hân hoan, miệng cười vui vẻ, tượng trưng đức hoan hỷ. Người béo bụng to, hay cầm cái đũa. Chung quanh có sáu em bé đang leo trèo lên mình ngài, là tượng trưng cho lục tặc (sáu giặc) khi đã bị ngài hàng phục. Đây là hóa thân trong trăm ngàn hóa thân của Đức Di Lặc Bồ-tát.

Tương lai của Đức Di Lặc : Hiện nay Đức Di Lặc là một vị Bồ xứ Bồ-tát đang ở nội viện cung trời Đâu-suất, đợi đến khi thế giới này hết kiếp giảm thứ 9 rồi, đến kiếp tăng thứ 10, trong lúc nhưn loại hưởng thọ được trên tám vạn tuổi, lúc bấy giờ ngài mới giáng sanh xuống cõi này, trong nhà của một vị Bà-la-môn tên là Tu Phạm Ma, thân mẫu của ngài tên Phạm Ma Bạt Đế. Khi sanh ra ngài có nhiều tướng tốt, đức hạnh vẹn toàn, thông minh quán chúng. Lớn lên ngài xuất gia tu hành, đến núi Kê Túc để nhận lãnh y bát của Đức Phật Thích Ca, do ngài Ma Ha Ca Diếp trao lại, rồi sau ngài đến ngồi dưới gốc cây Long Hoa dùng Kim Cang trí trừ sạch vi tế vô minh, chứng đạo vô thượng Bồ-đề.

Ngài thuyết pháp tại giảng đường Hoa Lâm dưới cây Long Hoa. Hội thứ nhất độ được chín mươi sáu ức người thành A-la-hán, hội thứ hai độ chín mươi bốn ức người thành A-la-hán, hội thứ ba độ chín mươi hai ức người thành A-la-hán. Thế nên gọi là “Long Hoa Tam Hội”. Ngài thuyết pháp đến sáu vạn năm, hóa độ vô số chúng sanh.



2.- PHẬT KHEN NGÀI DI LẶC BỒ-TÁT

Khi ấy Đức Thế Tôn khen ngài Di Lặc Bồ-tát và dạy rằng :

– Này Thiện nam, quý lắm! Ông vì các vị Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau thừa hỏi Như Lai những nghĩa lý cao siêu huyền diệu, khiến cho các vị Bồ-tát đều được con mắt trí huệ thanh khiết và tất cả chúng sanh đời sau đoạn tuyệt được sanh tử luân hồi, tâm ngộ thật tướng⁽¹⁾ và chứng được vô sanh nhẫn⁽²⁾. Các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

Khi ấy ngài Di Lặc Bồ-tát và đại chúng đều vui mừng kính cẩn, vâng nghe lời Phật khai thị :

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật khen ngài Di Lặc Bồ-tát : Nhờ lời ông hỏi, để Phật chỉ giáo, nên khiến các vị Bồ-tát hiện tại, mắt trí huệ được sáng tỏ và chúng sanh đời sau cũng nhờ câu hỏi này mà vĩnh viễn ra khỏi luân hồi.

(1) *Thật tướng* : Tướng chơn thật, không hư vọng, không bị thời gian thay đổi, không gian chuyển dời, suốt xưa thâu nay, nó vẫn thường như; cũng một biệt danh của “Viên Giác”.

(2) *Vô sanh nhãn* : Chữ “Nhãn” là an nhãn, an trụ hay là chúng. Chữ “Vô sanh” là không sanh. Nghĩa là: an trụ chỗ ngã và pháp không còn sanh khởi, tức là an trụ “Chơn tâm”.



3.- PHẬT DẠY : ÁI VÀ DỤC LÀ GỐC RỄ CỦA SANH TỬ LUÂN HỒI

– Này Thiện nam! Tất cả chúng sanh từ vô thỉ đến giờ, đều do các món “ân ái và tham dục” cho nên mới bị sanh tử luân hồi. Tất cả chúng sanh trong thế giới tóm lại có bốn loại :

- 1) Loài sanh trứng**
- 2) Loài sanh con**
- 3) Loài sanh chỗ ẩm ướt**
- 4) Loài hóa sanh**

Các loại chúng sanh này, đều do “dâm dục” mà tạo thành tánh mạng của nó (nhứt thế chúng sanh giai dĩ dâm dục nhi chánh tánh mạng).

Bởi thế, nên các ông phải biết : gốc rễ của sanh tử luân hồi là “Ái” và “Dục” vậy. Vì có “dục” cho nên mới sanh ra ái luyến, do “luyến ái” nên mới sanh tử tử sanh, nối luôn không dứt.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật chỉ ngay gốc rễ của sanh tử luân hồi là “ân ái và tham dục”. Chính như thân mạng của các chúng sanh đây, cũng đều do dâm dục tạo thành.

Bởi thân mạng đã do ái dục sanh, nên thân mạng còn thì ái dục còn, ái dục còn thì thân mạng còn.

Trong Kinh Phật Danh chép : “Có ái dục thì sanh, ái dục hết thì diệt; cho biết gốc rễ của sanh tử là tham ái (hữu ái tắc sanh, ái tận tắc diệt, cố tri sanh tử, tham ái vi bản).

Trong Kinh Niết-bàn cũng nói : “Nhơn ái sanh ưu, nhơn ưu sanh bố, nhược ly tham ái, hà ưu hà bố”. Nghĩa là : Vì tham ái nên mới sanh lo, nhơn lo mới sanh sợ, nếu người lìa được ái dục rồi, thì có lo gì và sợ gì ?

Bốn loài :

1- Noãn sanh : loài sanh trứng : như chim, cá v.v...

2- Thai sanh : loài sanh con, như loài người và thú v.v...

3- Thấp sanh : loài sanh chỗ ẩm ướt, như lăng quăng, vi trùng v.v...

4- Hóa sanh : như loài nhộng hóa thành bướm, hoặc như loài Địa ngục, Ngạ quỷ và chư Thiên v.v...



– Nay Thiện nam ! Nhơn ái luyến nên sanh ra “dục”, do dục nên mới có thân mạng. Bởi thế, nên truy tầm đến cội gốc của nó, thì chúng sanh ái luyến thân mạng tức là ái luyến “dục”. Ái luyến dục là “nhơn”, mà ái luyến thân mạng là “quả”.

LƯỢC GIẢI

Ngài Tôn Mật nói : “Do cảnh dục trần bên ngoài nó trêu ghẹo, làm cho tâm sanh ái luyến; do tâm ái luyến, cho nên mới sanh ra tham dục. Vì tham dục nên tạo nghiệp, do tạo nghiệp nên mới thọ quả. Khi thọ quả khổ rồi trở lại tạo nghiệp nữa. Vì thế nên sanh tử không cùng”.



4.- PHẬT TRẢ LỜI CÂU HỎI : “CÓ MẤY LOẠI CHÚNG SANH LUÂN HỒI?”

– Nay Thiện nam ! Cảnh hồng trần có lắm điều xuôi ngược, nếu người khi gặp nghịch cảnh, sanh tâm giận ghét, tạo ra các nghiệp dữ, thì đọa vào Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh.

Nếu người biết nhàm cảnh dục, ưa tạo nghiệp lành, chán chê ác nghiệp, thì lại sanh về cõi người và cõi trời Dục giới.

Còn những người nhàm chê cảnh trần lao ô nhiễm ở cõi Dục, tham ái cảnh Tứ thiên và Bát định của hai cõi trên, như thế cũng còn tư dưỡng gốc tham ái, cho nên sanh về hai cõi hữu vi là “trời Sắc giới” và “Vô sắc giới”.

Các loại chúng sanh trên đây, đều còn trong vòng sanh tử luân hồi, vì còn các tham ái, nên chẳng thành Thánh đạo. Thế nên, chúng sanh nào muốn thoát ly sanh tử luân hồi, thì trước phải đoạn trừ các tham dục và tâm ái luyến.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên là ngài Di Lặc Bồ-tát hỏi : “Có mấy loại chúng sanh luân hồi?”. Đến đoạn này Phật trả lời có ba loại chúng sanh luân hồi :

1- **Ác nghiệp** : – Như Địa ngục, Ngạ quỷ và Súc sanh (nghiệp ác bức thượng thì đọa vào Địa ngục, nghiệp ác bức trung thì đọa làm Ngạ quỷ, nghiệp ác bức hạ thì đọa làm Súc sanh).

2- Thiện nghiệp : – Đây là nói về hữu lậu thiện. Như: Thiên, Nhơn và Thần A-tu-la. (Nghiệp lành bậc thượng thì sanh lên 6 cõi Trời về Dục giới, nghiệp lành bậc trung thì sanh về cõi người, nghiệp lành bậc hạ thì sanh làm Thần A-tu-la.

3- Bất động nghiệp (Thiền định) : – Như cõi trời Tứ thiên và Tứ không. Do tu thiền định mà được sanh về bốn cõi Thiên ở Sắc giới (1.- Ly, sanh hỷ lạc địa; 2.- Định, sanh hỷ lạc địa; 3.- Ly hỷ, diệu lạc địa; 4.- Xả niệm, thanh tịnh địa). Và bốn cõi Không, ở cõi Trời Vô sắc (1.- Không vô biên xứ thiên; 2.- Thức vô biên xứ thiên; 3.- Vô sở hữu xứ thiên; 4.- Phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên).

Ba loại chúng sanh này (ác nghiệp, thiện nghiệp và bất động nghiệp) tuy có cao thấp, sang hèn khác nhau, nhưng cũng đều còn ái và dục, chẳng qua thô hay tế đó thôi. Ái dục còn tức là phiền não hữu lậu còn; vì phiền não hữu lậu còn, nên phải còn sanh tử luân hồi.

Tóm lại, vì chúng sanh trong ba cõi (Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới) còn ái nhiễm, nên đều còn luân hồi cả.

Kết thúc đoạn này, Phật dạy một câu :

“... Thế nên chúng sanh, muốn ra khỏi sanh tử luân hồi, thì trước hết phải đoạn trừ ái và tham dục”. (Thị cố chúng sanh, dục thoát sanh tử, miễn chư luân hồi, tiên đoạn tham dục, cập trừ ái khát).

Phật dạy pháp tu ra khỏi sanh tử luân hồi, vốn vẹn chỉ có một câu thôi :

“Phải đoạn ái và tham dục”

Rất giản dị và rõ ràng vô cùng. Thật là “Khuôn vàng thước ngọc”, đáng làm qui cũ cho muôn đời ! Hành giả chỉ thật hành đúng như lời Phật dạy đây, đó là Tu, Tu là đó rồi.

Cũng như trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy rằng :

**“... Dâm tâm bất trừ,
Trần bất khả xuất...”**

Nghĩa là : Tâm nghĩ ngợi đến việc dâm dục, nếu không dứt trừ, thì cảnh hồng trần này không biết bao giờ ra khỏi.



5.- BỒ-TÁT HIỆN THÂN, KHÔNG PHẢI DO ÁI DỤC, MÀ DO LÒNG ĐẠI BI VÀ NGUYỆN LỰC

– Này Thiện nam ! Các vị Bồ-tát hóa hiện thân hình ở trong thế gian, không phải vì ái dục nhiễm ô như chúng sanh, mà gốc do lòng từ bi và đại nguyện cứu thế, nên đã hiện ra thân tham dục để vào sanh tử hóa độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh xả bỏ các ái dục.

LƯỢC GIẢI

Vì sợ có người hiểu lầm : Bồ-tát có phụ mẫu, thê tử, v.v... tất nhiên phải có ái dục, nhiễm ô và cũng thật sanh tử như chúng sanh, nên đoạn này Phật giải thích : Bồ-tát do lòng từ bi và đại nguyện cứu thế, nên hiện ra thân tham dục, để vào sanh tử, đặng hóa độ chúng sanh, chớ không phải thật có tham dục và sanh tử.



6.- PHẬT DẠY : CÓ NĂM CHỦNG TÁNH

– Này Thiện nam ! Nếu tất cả chúng sanh đời sau, bỏ được các tham dục, trừ tâm thương ghét, dứt hẳn sanh tử luân hồi, nơi tâm được thanh tịnh, cầu nhập cảnh giới Viên Giác của Như Lai, thì sẽ được ngộ nhập.

– Này Thiện nam ! Tất cả chúng sanh gốc từ vô minh tham dục, nên sanh ra năm món tánh sai khác. Năm món tánh này là căn cứ theo việc đoạn trừ hai chướng có cạn và sâu mà phân định.

Thế nào là hai chướng ?

1) Lý chướng : Làm chướng ngại chánh tri kiến.

2) Sự chướng : Làm tiếp nối các sanh tử.

Nếu đối với hai món chướng này mà hoàn toàn chưa đoạn thì gọi là chúng sanh.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên ngài Di Lặc Bồ-tát hỏi : “Có mấy hạng người tu theo đạo Bồ-đề của Phật” ? Đến đoạn này Phật trả lời có năm hạng. Song năm hạng này là căn cứ theo việc đoạn trừ hai chướng có cạn và sâu của hành giả mà phân định.

Lý chướng : Chướng về Lý, cũng tên là “Sở tri chướng”, do chấp pháp mà sanh. Vì chấp pháp nên làm cho chướng ngại “Chơn như lý tánh” không hiện bày; vì thế, nên nói “Lý chướng là chướng ngại chánh tri kiến của Phật”.

Sự chướng : Chướng về Sự, cũng gọi là “phiền não chướng”, do chấp ngã sanh. Do các phiền não nên tạo ra các nghiệp, vì tạo nghiệp nên mới thọ luân hồi. Vì thế, Phật nói : “Sự chướng làm tiếp nối sanh tử luân hồi”.

Bởi chấp ngã nên mới khởi ra các phiền não làm chướng ngại Bồ-đề. Bởi chấp ngã nên sanh ra Sở tri chướng, làm chướng Niết-bàn tịch tịnh của Phật. Vì những người chưa phát tâm tu hành, đối với hai món chướng này chưa đoạn được món nào, cho nên chỉ kêu là “Chúng sanh” mà không liệt vào trong năm món chủng tánh.



– Nay Thiện nam ! Thế nào là năm chủng tánh ?

1) Thinh-văn chủng tánh

2) Duyên-giác chủng tánh

3) Bồ-tát chủng tánh

4) Bất định chủng tánh

5) Ngoại đạo chủng tánh

1) THINH-VĂN và

2) DUYÊN-GIÁC CHỦNG TÁNH

Nếu chúng sanh nào, đoạn tuyệt tham dục, trừ được sự chướng (ngã chấp) nhưng lý chướng (pháp chấp) chưa đoạn, thì chỉ chứng dạng quả Thinh-văn và Duyên-giác, chớ chưa được an trụ cảnh giới Bồ-tát.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về chủng tánh Thinh-văn và Duyên-giác, chung gọi là “Nhị thừa chủng tánh”.

Đành rằng hai quả vị này đồng bỏ hẳn lòng tham dục, đồng phá được ngã chấp, trừ sự chướng, đồng đoạn được sanh tử và cũng đồng chưa trừ được lý chướng (pháp chấp), nhưng pháp tu của hai bên khác nhau :

– Một bên tu pháp Tứ đế đoạn được sự chướng (ngã chấp) thì gọi là “Thinh-văn chủng tánh”.

– Một bên tu pháp Thập nhị nhơn duyên đoạn được sự chướng (ngã chấp) thì gọi là : “Duyên-giác chủng tánh”.

Ngài Tôn Mật giải rằng : “Biết được khổ sanh tử, dứt trừ tâm lao chuyển, thì gọi là “Sự chướng”, thật ra chưa có thể trừ được ba món Tế” (ba món Tế, xem trong quyển Đại Thừa Khởi Tín Luận).

*

3) BỒ-TÁT CHỦNG TÁNH

– Nay Thiện nam ! Nếu các chúng sanh đời

sau, muốn vào biển Đại Viên Giác của Như Lai, thì trước phải phát nguyện, siêng năng đoạn trừ hai món chướng. Đến khi hai món chướng đã nép phục, thì ngộ vào cảnh giới Bồ-tát.

Nếu như khi hai món chướng (ngã chấp, pháp chấp) đã hoàn toàn diệt, thì vào được cảnh giới Viên Giác mẫu nhiệm của Như Lai, viên mãn quả Bồ-đề và Đại Niết-bàn.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về Bồ-tát chủng tánh. Có chia làm hai thời kỳ:

1. Thời kỳ hai chướng mới nép phục.
2. Thời kỳ đoạn tuyệt được hai chướng.

Hành giả từ khi còn địa vị phàm phu, đang bị hai chướng (Phiền não chướng và Sở tri chướng) hoành hành, rồi trải qua giai đoạn giằng co, cho đến lúc hai chướng bị nép phục, như thế mới vừa lên địa vị Bồ-tát. Khi lên địa vị Bồ-tát, tiếp tục đoạn chướng, đến lúc đoạn tuyệt được Phiền não chướng (ngã chấp) thì đặng Bồ-đề (Trí đức), đoạn tuyệt được Sở tri chướng (pháp chấp) thì đặng Đại Niết-bàn (đoạn đức). Hai chướng bị đoạn vĩnh viễn rồi, thì đặng vào quả “Phật”.

Tại sao lập Bồ-tát tánh mà không lập Như Lai tánh? Vì Bồ-tát tu hành đến lúc hoàn toàn rốt ráo, thì chứng quả vị Phật, nên không lập thêm Như Lai tánh.



4.- BẤT ĐỊNH CHỨNG TÁNH

– Nay Thiện nam ! Có loại chúng sanh có thể chứng được Viên Giác. Song, nếu chúng gặp Thiện tri thức là Thịnh-văn hóa độ, thì chúng

thành Tiểu thừa; còn gặp Thiện tri thức là Bồ-tát hóa độ, thì chúng thành Đại thừa. Nếu gặp Như Lai dạy tu đạo Vô thượng Bồ-đề, thì chúng thành Phật thừa.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về “Bất định chủng tánh”. Nghĩa là chúng sanh này căn tánh không nhứt định Đại thừa hay Tiểu thừa. Nếu gặp Thiện tri thức thuộc về Đại thừa giáo hóa, thì chúng thành Đại thừa; còn gặp Thiện tri thức thuộc về Tiểu thừa giáo hóa thì chúng thành Tiểu thừa.



5.- NGOẠI ĐẠO CHỦNG TÁNH

– Nay Thiện nam ! Có những chúng sanh đi tâm Thiện tri thức chỉ dạy đường lối tu hành, nhưng lại gặp ngoại đạo tà sư dạy bảo, nên chúng nó sanh ra tà kiến, hiểu ngộ không chơn chánh, thế gọi là “Ngoại đạo chủng tánh”. Đây không phải lỗi tại chúng sanh đó, mà lỗi tại tà sư.

Tóm lại, chúng sanh tu Bồ-đề, có năm chủng tánh sai khác, như Ta vừa kể xong.

LƯỢC GIẢI

Đoạn này nói về “Ngoại đạo chủng tánh”. Tuy chúng sanh này có tâm tu hành, nhưng không gặp “Thiện tri thức” giáo hóa, lại gặp tà sư chỉ dạy, nên thành ngoại đạo.

Vì sự hiểu biết của chúng tà ngụy, không phải chánh đạo, nên gọi là “ngoại đạo”. Ngoại đạo chủng tánh, ở kinh khác gọi là “Xiển để chủng tánh”, nghĩa là “đoạn giống Phật”. Vì trong bốn chủng tánh trên, tuy có Đại thừa và Tiểu thừa khác nhau, nhưng

cũng đều “Chánh ngộ”, duy có Ngoại đạo chủng tánh, sanh các tà kiến, đoạn diệt chánh kiến, trái ngược với chánh như thành Phật cho nên gọi là “chúng Xiển đề” (đoạn giống Phật).



7.- BỔ-TÁT NHẬP THẾ ĐỘ CHÚNG SANH THỊ HIỆN CÁC HÌNH TƯỚNG VÀ CÁC CẢNH THUẬN, NGHỊCH.

– Này Thiện nam ! Các vị Bồ-tát đều y bốn nguyện độ sanh của mình từ vô thủy và do lòng Đại bi thanh tịnh⁽¹⁾ thúc đẩy nên nhập thế độ sanh. Bồ-tát dùng phương tiện thị hiện ra nhiều hình tướng, khi thì hiện cảnh thuận, khi thì hiện cảnh nghịch, có lúc lại lân la ở chung với chúng sanh và đồng làm các nghề nghiệp như chúng sanh (đồng sự nhiếp) để tiện bề hóa độ, khiến cho chúng sanh được thành Phật.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên ngài Di Lạc Bồ-tát hỏi Phật : “Khi Bồ-tát nhập thế độ chúng sanh, phải dùng những phương tiện gì giáo hóa chúng sanh ?

Đại ý đoạn này Phật trả lời : Bồ-tát do bản nguyện độ sanh từ vô thủy (Bồ-tát dĩ lợi sanh vi bản hoài), và lòng Đại bi thanh tịnh thúc giục, nên mới nhập thế độ sanh; không đồng như chúng sanh do ái dục làm nhiễm ô và bị nghiệp lực lôi cuốn mà nhập thế.

Bồ-tát dùng phương tiện, thị hiện ra nhiều hình tướng để độ sanh. Như ngài Quan Âm hiện 32 ứng thân, Đức Di Lạc Bồ-tát hiện thân Bồ-đai Hòa thượng, hoặc có vị hiện Thần Kim Cang, hiện thân Tiêu Diện, Thập Điện Minh vương, Ngưu đầu, Mã diện v.v... có lúc hiện “Tử”, có lúc hiện “Oai”, nên có câu :

**“Kim Cang lộ mục sở dĩ hàng phục tử ma
Bồ-tát đề mi do thị ai tử ư lực đạo”.**

Nghĩa là : Thần Kim Cang trợn mắt là để hàng phục bốn ma. Bồ-tát xử mày là vì thương chúng sanh trong 6 đạo. Bồ-tát khi thì hiện cảnh thuận : Giảng dạy pháp lành khuyên người tu học v.v... có lúc lại hiện cảnh nghịch : như hiện chảo dầu sôi, để độ Ông Nan Đà Tôn giả, hoặc dùng gông xiềng đánh đập v.v... để cho người biết thức tỉnh hồi tâm. Cổ nhơn nói : “Người không gặp tai nạn, thì không biết hồi tâm hướng thiện”. (Nhơn vô họa, bất hồi đầu). Hay như ngài Thiện Tài Đồng Tử đi tham học với Bà Tu Mật Nữ v.v...

Bồ-tát có khi thị hiện lân la ở chung cùng với chúng sanh và đồng làm các nghề nghiệp như chúng sanh (như ngài Lục Tổ khi ở chung với bọn thợ săn v.v... để lần hồi dẫn dắt chúng sanh trở về với Chánh đạo).

Tóm lại, các Bồ-tát nhập thế độ sanh, đều do tâm Đại bi làm chủ động, lấy Đại nguyện làm căn bản, dùng phương tiện có nhiều môn, tuy không nhứt định, nhưng đại khái không ngoài thuận và nghịch. Hoặc dùng lời giảng dạy (khẩu giáo hóa) hoặc hiện thân hóa độ (thân giáo hóa), hoặc dùng đồng sự nhiếp, chung qui một mục đích là khiến cho chúng sanh được giải thoát và thành Phật.

(1) *Đại bi thanh tịnh*. Bồ-tát do lòng từ bi rộng lớn thương xót chúng sanh mà hiện thân hóa đạo, không phải vì danh và lợi v.v... cho nên nói là “Thanh tịnh”.



8.- CHỈ NGUYỆN THÀNH PHẬT, KHÔNG Ở NHỊ THỪA VÀ CHỖ GẶP NGOẠI ĐẠO

– Này Thiện nam ! Nếu các chúng sanh đời sau, phát Đại nguyện thanh tịnh của Bồ-tát, khởi tâm tăng tấn cầu nhập Viên Giác, thì phải phát nguyện như vậy :

Con nguyện ngày nay, được gặp Thiện tri thức dạy con tu hành để nhập Viên Giác của Phật, chớ gặp tà sư ngoại đạo và Nhị thừa.

Con y theo bản nguyện tu hành, lần hồi dứt trừ các chướng. Khi các chướng hết, nguyện viên mãn, thì con sẽ được vào thành lớn Viên Giác, trang nghiêm tốt đẹp và lên cung điện thanh tịnh giải thoát của Như Lai.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật dạy các chúng sanh đời sau, muốn cầu Viên Giác, thì phải phát lời thệ nguyện : “Con nguyện chớ gặp tà sư ngoại đạo và Tiểu thừa chỉ lo tu ích kỷ tiêu cực không chịu hoằng pháp lợi sanh. Con nguyện gặp Thiện tri thức Đại thừa, tu lợi tha tích cực, dạy bảo con tu hành được thành quả Phật”.

Ngài Như Sơn nói : “Lý, tuy đốn ngộ, nhưng về phần sự tướng thì phải lần lần diệt trừ” (Lý tuy đốn ngộ, sự nải tiệm trừ).

Khi các chướng hết rồi, thì đi, đứng, nằm, ngồi trong tất cả thời và tất cả chỗ, đều được giải thoát. Đó là cung điện giải thoát thanh tịnh và thành Viên Giác trang nghiêm của Như Lai.



9.- PHẬT NÓI BÀI KỆ, TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi đó Đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng :

**Di Lặc ! Ông nên biết :
Tất cả các chúng sanh
Đều do tham dục vậy,
Nên đọa vào sanh tử,**

**Chẳng dặng đại giải thoát.
Nếu người đoạn thương ghét,
Cùng với tham, sân, si
Không cần tu gì khác,
Cũng đều được thành Phật.
Cầu nguyện gặp Minh sư,
Khai ngộ được chơn chánh.
Y theo nguyện Bồ-tát,
Trừ tuyệt hai món chướng,
Được vào Đại Niết-bàn,
Các Bồ-tát mười phương,
Đều bởi lòng Đại bi,
Phát nguyện vào sanh tử,
Tùy loại độ chúng sanh.
Người tu hành hiện tại
Và chúng sanh đời sau,
Phải đoạn trừ ái hoặc,
Mới dặng vào Viên Giác.**

LƯỢC GIẢI

Bài kệ này Phật gọi ngài Di Lặc Bồ-tát mà dạy, đại ý như vậy : Tất cả chúng sanh vì tham dục, nên bị sanh tử luân hồi, không được giải thoát. Nếu người đoạn tuyệt được Tham, Sân, Si, v.v... thì được thành quả Phật. Thế nên người tu hành phải cầu Minh sư khai ngộ, rồi y theo hạnh nguyện của Bồ-tát mà đoạn trừ hai chướng và cầu chứng quả Niết-bàn của Phật.

Các vị Bồ-tát ở mười phương, đều do lòng Đại bi thanh tịnh làm chủ động và chí nguyện lợi tha thúc đẩy, nên không nỡ yên ở chỗ thanh tịnh tu giải thoát một mình, thích thú nơi cảnh tịch tịnh lo phần ích kỷ như hàng Tiểu thừa; mà Bồ-tát thệ nguyện nhập thế độ sanh, lẫn lộn với trần lao để tùy duyên hóa độ. Không sợ ô nhiễm, chẳng kể gian lao, không từ khó nhọc.

Như ngài Địa Tạng Bồ-tát nguyện rằng :

**“Chúng sanh độ tận phương chứng Bồ-đề
địa ngục vị không thệ bất thành Phật”.**

Tổ A Nan cũng thệ rằng :

**“... Ngũ trước ác thế thệ tiên nhập
Như nhứt chúng sanh vị thành Phật
Chung bất ư tử tử Nê-hoàn...”**



BÀI THỨ SÁU

VI.- CHƯƠNG THANH TỊNH HUỆ

- 1- Ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát hỏi Phật.
- 2- Phật khen ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát.
- 3- Phật dạy : Trong Viên Giác không có Bồ-tát và chúng sanh.
- 4- Phạm phu tùy thuận tánh Viên Giác.
- 5- Bồ-tát ở vị Tam hiền tùy thuận tánh Viên Giác.
- 6- Bồ-tát lên Thánh vị tùy thuận tánh Viên Giác.
- 7- Như Lai tùy thuận tánh Viên Giác.
- 8- Tóm tắt.
- 9- Phật nói bài kệ tóm lại các nghĩa trên.

VI.- CHƯƠNG THANH TỊNH HUỆ

1.- NGÀI THANH TỊNH HUỆ BỒ-TÁT HỎI PHẬT

Khi ấy ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát ở trong đại chúng đứng dậy, đi quanh bên hữu của Phật ba vòng và chấp tay kính cẩn, đánh lễ dưới chơn Phật và quỳ thẳng bạch rằng :

Bạch Đức Đại bi Thế Tôn, Ngài đã vì chúng con, khôn khéo rộng nói những việc không thể nghĩ bàn. Những việc mà chúng con từ hồi nào đến giờ, chưa từng thấy và chưa từng nghe, hôm nay nhờ Phật khai thị khiến cho chúng con được liễu ngộ, thân tâm khoan khoái vui mừng, đặng lợi ích rất lớn.

Bạch Đức Thế Tôn, xin Ngài vì các vị Bồ-tát và tất cả chúng sanh trong pháp hội này, chỉ dạy thứ lớp tu chứng của Như Lai như thế nào để cho chúng sanh hiện tại và đời sau, nhen nghe lời Phật dạy đây, mà được khai ngộ, lần lượt tùy thuận vào tánh Viên Giác của Đức Pháp Vương (Phật).

Ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát thưa thỉnh như vậy ba lần, kính cẩn lạy Phật rồi trở lui.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này, ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát hỏi Phật : Trên đường lối tu hành, từ địa vị phàm phu đến quả vị Phật, phải trải qua bao nhiêu địa vị ? Thứ lớp tu chứng sai khác thế nào ? Cầu

Phật chỉ dạy, khiến cho chúng sanh được liễu ngộ, lần lượt nhập vào tánh Viên Giác.

Thanh Tịnh Huệ là trí huệ thanh tịnh, tức là Bát-nhã huệ. Từ chương này đến 6 chương sau là chú trọng về việc hạ thủ công phu. Trong khi tu hành bất luận giờ phút nào, cũng phải dùng Bát-nhã trí để lãnh đạo; cho nên chương này Ngài Thanh Tịnh Huệ đứng lên thưa hỏi, là tiêu biểu cho Bát-nhã huệ vậy.



2.- PHẬT KHEN NGÀI THANH TỊNH HUỆ BỒ-TÁT

Khi đó Đức Thế Tôn khen Ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát và dạy rằng :

- Này Thiện nam, quý lắm ! Ông vì các Bồ-tát hiện tại và chúng sanh đời sau, thưa hỏi Như Lai về thứ lớp tu chứng sai khác như thế nào. Vậy các ông nên chăm chú nghe, Ta sẽ vì các ông chỉ dạy.

Khi đó Ngài Thanh Tịnh Huệ Bồ-tát và Đại chúng đều hoan hỷ và kính cẩn vâng nghe lời Phật chỉ giáo.

3.- PHẬT DẠY : TRONG VIÊN GIÁC KHÔNG CÓ BỒ-TÁT VÀ CHÚNG SANH

- Này Thiện nam ! Trong tánh Viên Giác thanh tịnh, không tất cả pháp, mà có đủ tất cả pháp. Nó tùy thuận các duyên biến hiện ra đủ tất cả, mà không thủ và không chứng. Thí như con mắt, thấy được tất cả vật, mà không tự thấy mình. Nó vẫn bình đẳng mà không tự thấy mình bình đẳng.

Này Thiện nam ! Trong thật tướng (Viên Giác) không có Bồ-tát và chúng sanh. Tại sao thế ? – Bởi Bồ-tát và chúng sanh đều là huyễn hóa vậy. Khi các tướng huyễn hóa diệt rồi, thì không có người năng chứng và quả sở chứng.

Chúng sanh vì còn mê muội điên đảo nên chưa diệt được các tướng huyễn hóa. Vì chúng sanh vọng khởi công dụng, để đối trị các tướng huyễn hóa, bởi có những tướng huyễn hóa đã diệt và chưa diệt, nên chúng mới thấy có thứ lớp tu chứng sai khác. Nếu người đặng tùy thuận tánh Viên Giác tịch diệt của Như Lai rồi, thì không còn thấy có cảnh tịch diệt và người tịch diệt nữa.

LƯỢC GIẢI

Đại ý đoạn này Phật nói : Trong tánh Viên Giác vốn không có tất cả pháp, mà tùy duyên hiện ra đủ tất cả các pháp sai khác. Đoạn này giống với đoạn trong Kinh Lăng Nghiêm. Phật thí dụ cây đờn: Trong cây đờn không có các bài bản hay và dở; song tùy duyên nó hiện đủ cả các tiếng hay và dở.

Trong tánh Viên Giác không có năng thủ, sở thủ và năng chứng sở chứng, không Bồ-tát và chúng sanh. Vì chúng sanh chưa diệt trừ được các tướng huyễn hóa, nên vọng khởi công dụng để dẹp trừ các tướng vọng huyễn này. Vì thế mà thấy có chúng và có đắc, bậc lớp sai khác. Nếu người tùy thuận được tánh Viên Giác tịch diệt của Như Lai rồi, thì không còn thấy có một pháp nào cả.

Trong đoạn này có cái ví dụ : “Như con mắt không tự thấy con mắt”. – Cái ví dụ này chỉ cho tánh bình đẳng và vô công dụng của Viên Giác. Tánh Viên Giác tùy duyên hiện ra các pháp mà

không thủ, không chứng. Cũng như con mắt bình đẳng chiếu soi tất cả vật, mà không thấy mình có chiếu soi và bình đẳng.

*

4.- PHÀM PHU TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC (ĐỊA VỊ THẬP TÍN)

– Nay Thiện nam ! Tất cả chúng sanh từ vô thi đến giờ, do lầm tưởng có “thật ta và vật của ta”, rồi sanh lòng thương yêu cái ta và vật của ta, cho nên gặp cảnh nghịch với ta thì giận ghét, còn thuận với ta thì tham ái, say mê theo cảnh ngũ dục. Chúng chưa từng biết thân tâm này là hư vọng, mỗi niệm sanh diệt luôn luôn, không có thật ta.

Nếu gặp Thiện hữu tri thức dạy bảo, chúng được khai ngộ tánh Viên Giác thanh tịnh, hiểu rõ thân tâm này là hư vọng, mỗi niệm sanh diệt không thật có cái ta; lúc bấy giờ chúng mới tự xác nhận rằng : thân tâm này là “trần lao vọng lự”.

Những người nào đoạn trừ được vĩnh viễn các trần lao vọng lự này, thì ngộ pháp giới thanh tịnh, nhưng đối với tánh Viên Giác chưa được tự tại, vì còn bị cái “biết thanh tịnh” nó làm chướng ngại, những người như thế thì gọi là kẻ phàm phu tùy thuận tánh Viên Giác.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên (số 3) là đứng về tánh Viên Giác thanh tịnh bình đẳng mà nói, nên không có Bồ-tát và chúng sanh sai khác. Nhưng

đúng về phương diện sự tướng tu hành mà luận thì có lớp lang tu chứng rõ ràng. Bởi thế nên từ đoạn này (số 4) về sau là nói thứ lớp nhập Viên Giác, bắt đầu từ vị Thập Tín, Tam Hiền, Thập Thánh và đến quả Phật.

Đại ý đoạn này, nói hàng Thập Tín tùy thuận tánh Viên Giác – Bởi tất cả chúng sanh từ vô thủy đến giờ vì mê lầm chấp ta và cảnh vật của ta là chơn thật, cho nên sanh ra tham, sân, v.v... Nếu gặp Thiện tri thức dạy bảo, chúng giác ngộ được cái “ta” và “cảnh vật của ta” đều hư vọng, sanh diệt không thật, thì lúc bấy giờ chúng mới trừ được ngã chấp, đặng pháp giới Thanh tịnh. Nhưng, vì còn “biết thanh tịnh”, thế là còn pháp chấp chưa trừ, nên còn chướng ngại tánh Viên Giác. Vì thế nên gọi là “chúng Phàm phu (vị Thập tín) tùy thuận tánh Viên Giác”.



5.- BỒ-TÁT Ở VỊ TAM HIỀN, TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC

Này Thiện nam ! Tất cả các vị Bồ-tát, vì còn chấp cái “biết thanh tịnh” (giác), nên chướng ngại tánh Viên Giác. Nay tuy đoạn được cái chướng ngại đó (cái biết thanh tịnh) nhưng còn trụ ở cái “giác”. Như thế cũng còn cố chấp ở nơi “giác”, nên tánh Viên Giác vẫn còn bị chướng ngại, không được tự tại. Bởi thế nên gọi là bậc Tam hiền Bồ-tát, tùy thuận tánh Viên Giác.

LƯỢC GIẢI

Các vị Bồ-tát này, tuy rời được cái “biết thanh tịnh”, nhưng còn cái “biết giác”. Vì còn cái “biết giác” làm chướng ngại, nên tánh Viên Giác không được hiển hiện. Đại ý đoạn này nói “Bậc Tam hiền Bồ-tát tùy thuận tánh Viên Giác Tam-hiền là : Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng.



6.- BỒ-TÁT LÊN THÁNH VỊ, TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC

– Nay Thiện nam ! Nếu còn “biết” (chiếu) và còn có “giác”, thì đều còn chướng ngại (vì còn năng và sở).

– Thế nên Bồ-tát thường “giác” mà không trụ nơi “giác”, năng chiếu và sở chiếu đồng vắng lặng. Bồ-tát tự dùng tâm chướng ngại diệt trừ các chướng ngại (dĩ vọng diệt vọng), khi các chướng ngại diệt hết, cũng không còn người năng diệt. Thí như có người tự mình chặt lấy đầu mình, khi cái đầu đã rụng rồi, thì cũng không có người chặt (năng đoạn).

Nay Thiện nam ! Tất cả Kinh giáo của Như Lai đều như ngón tay để chỉ mặt trăng Viên Giác (chơn lý). Vậy các ông phải biết : đây là ngón tay Kinh giáo chứ không phải mặt trăng Viên Giác. Nếu các ông chỉ cố chấp ngón tay, thì không bao giờ thấy được mặt trăng. Những người biết như ngón tay kinh giáo này, mà nhận được mặt trăng Viên Giác, thì gọi là Bồ-tát lên Thánh địa, tùy thuận tánh Viên Giác.

LƯỢC GIẢI

Đoạn trên nói, Bồ-tát ở vị Tam hiền còn “biết” và còn “giác”. Đến đoạn này nói: Bồ-tát lên Thánh địa, tuy thường “giác” mà không trụ trước nơi “giác”, vì không còn năng và sở. Cũng như người ta tự chặt cái đầu của mình, khi cái đầu rụng rồi thì không có kẻ chặt và người bị chặt.

Tất cả Kinh giáo của Phật đều là phương tiện để chỉ chơn lý (Viên Giác). Hành giả phải nương các pháp phương tiện để đến chơn lý; nếu cố chấp nơi phương tiện thì không bao giờ đến chơn lý.

Giáo pháp của Phật cũng như ngón tay chỉ mặt trăng. Người muốn thấy mặt trăng thì phải nhìn ngón tay mà xem; khi thấy mặt trăng (chơn lý) rồi thì phải quên ngón tay (phương tiện). Nếu cố chấp nơi ngón tay (phương tiện) thì người ấy không bao giờ thấy mặt trăng chơn lý.

Cái thí dụ này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm, Phật thí dụ “ngón tay chỉ mặt trăng v.v...”.



7.- NHƯ LAI TÙY THUẬN TÁNH VIÊN GIÁC

– **Này Thiện nam ! Tất cả sự chướng ngại tức là Cứu kính giác, chánh niệm hay vọng niệm đều là Giải thoát, trì giới hay phá giới đều là Niết-bàn; trí huệ hay ngu si cũng đều là Bát-nhã; Bồ-tát và ngoại đạo đồng là Bồ-đề; vô minh và Chơn như đồng một cảnh giới; giới, định, huệ và dâm, nộ (giận) si đều là hạnh thanh tịnh; chúng sanh và quốc độ đồng một pháp tánh; địa ngục và thiên đường đều làm Tịnh độ; hữu tình và vô tình đều thành Phật đạo; tất cả phiền não là rốt ráo giải thoát, vì biến huệ pháp giới chiếu soi các tướng cũng như hư không. Đây gọi là Như Lai tùy thuận tánh Viên Giác.**

LƯỢC GIẢI

Các đoạn trên đã nói : Từ vị Thập Tín, thì bị cái “biết tịnh” làm ngại; qua Tam Hiền, lại bị cái “biết giác” làm ngại; đến vị Thập

Thánh, tuy đã lia hết các ngại, nhưng hãy còn cái “thường giác” chưa được viên dung.

Đoạn này nói về quả vị Phật, đã hoàn toàn nhập Viên Giác tánh, thấy tất cả pháp đồng một bản thể, nên nói: “Các chương ngại tức là cứu kính giác, chánh niệm và tà niệm đều là giải thoát, phiền não sanh tử tức là Bồ-đề, Niết-bàn, Trí huệ, ngu si đều là Bát-nhã, v.v...”.

Bởi thế nên Cổ đức có dạy rằng : “Mê thời Chơn như thành vọng tưởng, ngộ thời vọng tưởng tức Chơn như”.



8.- TÓM LẠI

– Nay Thiện nam ! Các vị Bồ-tát và chúng sanh đời sau, chỉ trong tất cả thì giờ không khởi vọng niệm phân biệt, đối với các vọng tâm cũng chẳng cần diệt trừ, ở cảnh vọng tưởng, chẳng gia thêm phân biệt, ở nơi cảnh không rõ biết, chẳng cần phân biệt chơn thật, khi nghe đến pháp môn này, không lấy làm lạ lùng và kinh hãi, lại sanh tâm tin chắc, hiểu biết rõ ràng, lãnh thọ và phụng trì, thì Ta gọi chúng sanh này là người tùy thuận tánh Viên Giác.

– Nay Thiện nam ! Các ông phải biết. Những chúng sanh tùy thuận như thế, là đã nhiều đời tu hành, từng trồng rất nhiều công đức : “Cúng dường các Đức Phật và các vị Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng. Ta ấn chứng cho những người này sẽ thành tựu “Nhứt thế chủng trí” (Phật trí).

LƯỢC GIẢI

Đoạn này Phật dạy cốt yếu một câu : “Chỉ trong tất cả thì giờ, không khởi vọng niệm, v.v... đó là tùy thân tánh Viên Giác”. Nghĩa là : nếu trong tất cả thời mà vọng niệm không sanh khởi, thì tham, sân, si, không sanh; ba độc không sanh thì ba nghiệp chẳng tạo, các nghiệp chẳng tạo thì không còn sanh tử luân hồi; sanh tử đã không thì chơn tâm tự hiện, như thế là tùy thuận tánh Viên Giác. Tỷ như ly nước đục để trên bàn, nếu trong tất cả thì giờ đều được yên lặng, không bị chao động, thì tánh nước trong tự hiện.

Đoạn này giống như trong Kinh Lăng Nghiêm Phật dạy : “Bất tùy phân biệt” (không theo trần cảnh khởi vọng niệm phân biệt). Thật là một pháp tu mau chóng (viên đốn), nếu không phải người nhiều kiếp tu hành, đã từng trồng căn lành từ nhiều đời Đức Phật, thì không thể lãnh thọ nổi pháp môn này.

Tóm lại, Phật dạy : Nếu các Bồ-tát và chúng sanh đời sau, chỉ trong tất cả thời không khởi vọng niệm, cũng không cần để tâm diệt trừ vọng niệm v.v... những chúng sanh thật hành được như thế là căn lành của chúng đã trồng sâu từ nhiều Đức Phật, và chúng đã nhập được tánh Viên Giác, sẽ thành quả Phật.

Ngài Thanh Tịnh Huệ hỏi thứ lớp tu chứng của Như Lai, đến đây Phật trả lời đã xong hết.

✽

9.- PHẬT NÓI BÀI KỆ TÓM LẠI CÁC NGHĨA TRÊN

Khi ấy Đức Thế Tôn, muốn tóm lại các nghĩa trên, nên nói bài kệ rằng :

Thanh Tịnh Huệ ! phải biết :

Viên mãn tánh Bồ-đề,

Không còn thủ và chứng,

Không Bồ-tát, chúng sanh.

**Giác và khi chưa giác,
Thứ lớp có sai khác :
Chúng sanh bị “biết” ngại (Thập Tín)
Bồ-tát bị “giác” ngại (Tam Hiền)
Thánh địa hằng vắng lặng (Thập Thánh),
Vì không trụ các tướng,
Viên mãn quả Đại giác,
Nên gọi “khấp tùy thuận” (Phật).
Các chúng sanh đời sau,
Tâm chẳng sanh hư vọng,
Ta nói chúng sanh này,
Hiện đời là Bồ-tát,
Vì cúng dường chư Phật,
Công đức đã viên mãn.
Tuy có nhiều phương tiện,
Cũng đều tùy thuận Giác.**

LƯỢC GIẢI

Đại ý bài kệ này Phật dạy : Tánh Viên Giác không có thủ và chúng, không Bồ-tát và chúng sanh. Nhưng về thứ lớp tu hành thì có phân ra Tín vị, Hiền vị, Thánh vị và Phật vị. Nếu như chúng sanh nào tâm chẳng sanh vọng tưởng, là Bồ-tát hiện tại, vì chúng sanh này đã trồng công đức từ hằng sa chư Phật.

Pháp môn tu tuy có nhiều và thứ lớp chúng đạo có sai khác, nhưng cũng đều về tánh Viên Giác.

Trong chương Thanh Tịnh Huệ này, Ngài Thanh Tịnh Huệ hỏi Phật thứ lớp tu chúng như thế nào? Phật trả lời có hai phần :

1.- Đứng về lý tánh Viên Giác mà nói, thì không có Bồ-tát và chúng sanh, không thủ và không chứng

2.- Về sự tướng tu hành, thì có thứ lớp sai khác. Như về Tín vị thì bị cái “biết” (giả) làm ngại; ở về Hiểu vị thì còn bị cái “giác” làm ngại; vào Thánh vị tuy được tịch diệt nhưng chưa được viên mãn.

Tóm lại, Phật dạy một câu : “Nếu người đối với tất cả thời, không khởi vọng niệm, thì được tùy thuận tánh Viên Giác”.

